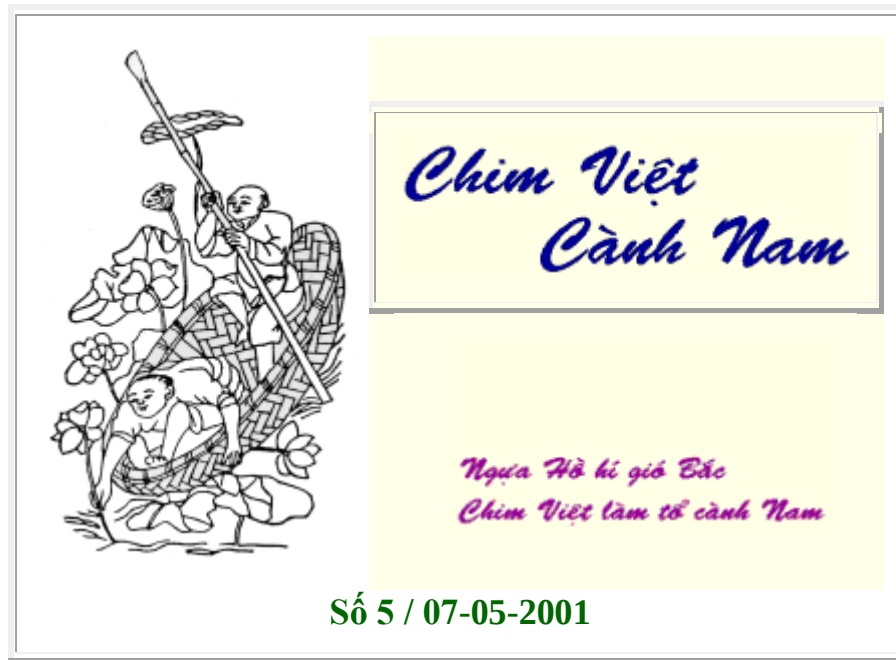




Quê Hương-Phong tục

- . Nguyễn Dư :
- [Phong tục về cưới xin](#) - [Phở, phởn, phía ...](#)

Thơ



- . Đan Tâm :
- [Người đi săn trên đầu núi Hồng Lĩnh](#)
- . Huỳnh Mạnh Tiên :
- [ZÉRO = SỐ NHIỀU](#)
- . Nguyên Thái:
- [Rừng](#) - [Cùng bờ cát ngủ say](#)
- Nguyễn Hồi Thủ :
- [Lao tù cuộc đời](#)
- . Chuyên Tôn

- [Biển trời](#)

Thơ tiền chiến : - [Trên Đường Về- Chế Lan Viên / Tình Quê - Hàn Mặc Tử / Lá Diêu Bông - Hoàng Cầm / Thuyền Đi - Huy Cận / Còn Chi Nữa- Lưu Trọng Lư / Những Bóng Người Trên Sân Ga- Nguyễn Bính / Lời Kỹ Nữ - Xuân Diệu](#)

Văn ký - Biên khảo

- . Tung Sơn : - [Chén Trà](#) (Một câu chuyện thiên/ lời bình của Tung Sơn)
- . Vũ Hạnh : - [Cuối Ba Dùm](#)
- . Hàn Thuỷ : - [Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ \(Phần 1 \)](#)
- [Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ \(Phần 2 : đôi điều có lẽ \)](#)

Văn Ngoại

- . Miêng dịch : - [Bức màn](#) (Nguyên tác : "Curtain" của Jim Phelan / Miêng chuyển ngữ)

Lịch sử

Hồ Đắc Duy :

- [Tìm kho báu của quân Mông Cổ ở đáy biển vịnh Hạ Long \(Phần 1 \)](#)
- [Tìm kho báu của quân Mông Cổ ở đáy biển vịnh Hạ Long \(Phần 2 \)](#)

Phong tục về cưới xin

Nguyễn Dư

Luân lý Việt Nam coi việc thờ phụng tổ tiên là một bổn phận thiêng liêng của con cháu. Thờ phụng phải được tiếp nối liên tục qua các đời. Vì vậy mỗi người đàn ông phải sớm lập gia đình để mau có con trai nối dõi, lo việc đèn nhang.

Sớm là bắt đầu từ mấy tuổi ?

Luật lệ ngày xưa không ấn định tuổi được phép lấy vợ lấy chồng. Chúng ta được biết vài trường hợp trai gái lấy nhau khá sớm :

- *Gái thập tam, nam thập lục* (gái 13, trai 16),
- *Em lấy anh từ thuở mười ba*
- Đến năm mười tám em đà năm con...*
- *Cái bóng công chồng đi chơi*
- Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng...*

Năm 1888, nhà nước bảo hộ Pháp ấn định con gái 14 tuổi, con trai 16 tuổi mới được làm đám cưới. Tuy không thay đổi là bao so với 13 và 16 tuổi, nhưng ít ra luật pháp cũng chính thức cấm tục *tảo hôn* (lấy vợ sớm), không cho phép con trai dưới 16 tuổi lấy vợ. Tuy bị cấm, nhưng ở nông thôn miền Bắc, hủ tục này còn rơi rớt đến tận những năm 1940. Một vài cậu bé con nhà giàu, mới lên tám, lên mười đã được cha mẹ cưới cho một cô vợ lớn gấp hai, ba lần tuổi mình. Thật ra mục đích của cha mẹ cậu bé là kiếm một người giúp việc không công, chứ chẳng phải là lo cho con, hay cho ông bà tổ tiên.

Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy . Con gái không có quyền quyết định. Duyên phận phó mặc cho may rủi, chọn lựa của cha mẹ.

- Thân em như hạt mưa rào*
- Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa*
- Thân em như hạt mưa sa*
- Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày*

Ý muốn của chàng trai cũng phải được cha mẹ chấp nhận thì mọi chuyện mới trôi chảy êm đẹp.

Ngày xưa, lễ nghi cưới xin của ta bắt chước Tàu. Rất rườm rà, phức tạp.

Theo sách *Văn công gia lễ* thì cưới xin có 6 lễ chính:

- 1- *Nạp thái* : nhà trai đến nhà gái ngõ ý
- 2- *Vấn danh* : nhà trai hỏi tên tuổi cô gái để tính ngày giờ, xem có bị xung khắc không ?
- 3- *Nạp cát* : chọn được ngày tốt, xác nhận với nhà gái
- 4- *Nạp tệ* : đưa đồ thách cưới do nhà gái ấn định



Nghênh hôn

5- *Thỉnh kỳ* : định ngày làm lễ cưới, nộp nữ trang, vải vóc cho nhà gái

6- *Nghinh hôn (thân nghinh)*: lễ rước dâu

Năm 1477 nhà Lê quy định rằng :

Phàm người lấy vợ, trước hết phải mượn người mới đi lại bàn định, rồi sau mới định lễ cầu thân. Lễ cầu thân xong rồi mới định lễ dẫn cưới. Dẫn cưới xong rồi mới định ngày đón dâu. Ngày hôm sau chào cha mẹ chồng, ngày thứ ba đến lễ nhà thờ. Nghi thức tiết mục, phải theo đúng như điều đã ban xuống mà làm. Không được như trước, nhà trai dẫn lễ cưới rồi để đến 3, 4 năm mới cho đón dâu.

Bắt đầu, nhà trai bắt tin thăm dò. Các nhà quyền quý thường tìm nơi *môn đăng hộ đối* (gia đình tương xứng). Sau khi đã được nhà gái đồng ý, nhà trai mới nhờ ông mai hoặc bà mối mang trầu cau và trà tới xin dạm.

Đẹp như rói, không mới không xong

Vai trò trung gian của ông mai bà mối rất quan trọng.

Lễ dạm tương đương với ba lễ đầu của ngày xưa.

Trầu cau luôn luôn có mặt trong các lễ cưới hỏi của người Việt Nam.

Truyền thuyết kể rằng :

Ngày xưa có hai anh em nhà kia, hơn nhau một tuổi và giống nhau như đúc(có người kể là hai anh em sinh đôi). Cha mẹ mất sớm. Được 17, 18 tuổi, hai anh em đến xin trọ học tại nhà một đạo sĩ. Học hành chăm chỉ, tính tình đứng đắn, cả hai được thầy yêu quý. Thầy có người con gái tuổi trăng tròn, xinh đẹp dịu hiền. Cô gái đem lòng yêu mến hai anh em.

Ít lâu sau cô xin phép cha lấy người anh làm chồng. Từ ngày lập gia đình, người anh quán quýt bên cô vợ trẻ, lơ là với em. Người em cảm thấy lẻ loi. Một hôm hai anh em cùng lên nương làm việc đồng áng, tối trời mới về. Người em vào nhà trước. Chị dâu trong buồng chạy ra, tưởng là chồng mình, vội ôm chầm lấy. Người em lúng túng kêu lên. Hai người cùng ngượng ngùng xấu hổ. Được chứng kiến cảnh vợ và em ôm nhau, người anh đem lòng nghi ngờ. Từ đó tình anh em lại càng lạnh nhạt.

Một buổi chiều kia, anh chị đi vắng, người em cảm thấy cô đơn, buồn tủi, quyết định bỏ nhà ra đi. Chàng đi, đi mãi đến một khu rừng, có con suối chắn ngang. Màn đêm xuống dần... Mỏi mệt, đói khát, buồn chán, chàng lịm thiếp đi rồi chết. Xác chàng biến thành một tảng đá.

Vợ chồng người anh về nhà không thấy em. Qua ngày hôm sau vẫn vắng bóng. Người anh lẳng lặng bỏ nhà đi tìm. Đến khu rừng, cạnh con suối, ngồi tựa lưng vào tảng đá nghỉ mệt. Thương nhớ em... Chàng thiếp đi, chết giữa đêm khuya, hóa thành một cây mọc thẳng bên cạnh tảng đá.

Đến lượt người vợ trông chờ mãi không thấy chồng về, cũng lần theo con đường mòn đến cạnh bờ suối. Đêm đó nàng chết, hóa thành một cây leo, quấn chặt thân cây cao.

Một hôm vua Hùng Vương đi qua chốn ấy. Nghe dân làng kể chuyện, vua sai người lấy lá cây leo, hái quả cây cao. Nghiền lá với quả thì thấy một mùi thơm nhẹ nhàng toát ra. Nhai thử thì thấy vị cay, tê tê đầu lưỡi. Nước tiết ra, nhỏ lên tảng đá thì thấy một màu đỏ thắm hiện lên.

Dân làng đặt tên cây cao là cau, cây leo là trầu, tảng đá là vôi.

Nước ta có tục ăn trầu từ đó.

Trầu cau tượng trưng cho tình nghĩa thủy chung, thủy thiết. *Miếng trầu là đầu câu chuyện*, trong cuộc sống hàng ngày, mỗi khi gặp gỡ nhau người ta cũng thường mời nhau miếng trầu. Ngày nay miếng trầu có thêm tí vôi, ít thuốc Lào, càng làm tăng thêm hương vị.

Sau lễ dạm đến lễ *nạp tệ*, hay *thách cưới*.

Nhà gái đưa ra một danh sách những đồ vật và tiền bạc bắt nhà trai phải nộp. Thông thường thì cũng phải:

*Giúp em một thúng xôi vò
Một con lợn béo, một vò rượu tăm
Giúp em đôi chiếu em nằm
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo
Giúp em quan tám tiền cheo
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau*

Chàng trai nói giúp cho lịch sự chứ thật ra là bị bắt buộc. Có khi nhà gái thách cao, đòi bò, đòi trâu, vòng vàng, xà tích bạc...

Năm 1663 vua Lê Huyền Tông ban điều giáo hóa :

Vợ chồng là gốc luân thường, lấy vợ, gả chồng phải theo lễ nghĩa, không được suy bì giàu nghèo, đòi nhiều tiền của. Lấy nhau phải phân biệt họ hàng, nòi giống, không được tham giàu sang mà phối hợp loạn luân thường, không được cầu hợp không có sinh lễ để đến nỗi gần như giống cầm thú...

Năm 1804 vua Gia Long định lệ :

Trai lấy vợ, gái lấy chồng thì sinh lễ phải chằm chước. Trong 6 lễ phải tùy sức nhà trai giàu nghèo, không được bắt ép viết văn khế cầm ruộng...

Bên cạnh thách cưới, nhà trai còn phải *nộp cheo* cho làng cô gái. Có nộp cheo mới được làng công nhận chuyện cưới xin.

Xưa kia nước ta không có sổ sách hộ tịch. Khi nhận tiền nộp cheo, làng viết giấy chứng nhận. Giấy này có giá trị như giấy giá thú ngày nay. Đám cưới nào không nộp cheo thì cặp vợ chồng đó sẽ bị làng coi như sống lên lút :

*Có cưới mà chẳng có cheo
Dẫu rằng có giết mười heo cũng hoài*

Nộp cheo bằng đồ vật hay tiền bạc. Có làng bắt nộp chiếc mâm đồng, ít chén bát để dùng cho hội hè đình đám. Có nơi đòi ít gạch để lót lại quãng đường hư hỏng, hay một ít vật liệu để sửa cái cầu, giếng nước...

Luật xưa quy định :

Bất cứ ở cùng một làng hay làng khác đều cho phép thu cheo một quan tiền cổ và một vò rượu. Quan viên và binh lính ở xã thôn nhà gái không được viện cớ người ta lấy chồng làng khác mà đòi tiền cheo quá lạm (1663).

Về tiền cheo thì nhà giàu phải nộp 1 quan 5 tiền, nhà bậc trung nộp 6 tiền, nhà nghèo nộp 3 tiền (1804).

Tuy luật quy định như vậy nhưng trong thực tế vẫn có sự phân biệt người cùng làng hay khác làng. Và tiền cheo thường bắt nộp quá mức luật định.

Nhà trai sắm sửa đủ đồ thách cưới thì làm *lễ hỏi* , mang tới nộp nhà gái.

Sau lễ hỏi, nhà trai phải nắn lui tới thăm hỏi, *sêu tết* nhà gái. Mùa nào thức ấy: nhãn, vải, hồng, cóc...trong khi chờ đợi lễ cưới.

Lễ cưới, còn gọi là *rước dâu, đón dâu*, tên chữ là *nginh hôn*, là lễ quan trọng nhất.

Lễ cưới phải chọn ngày tốt, đón dâu phải lựa giờ tốt. Ngày xưa có tục đón dâu vào buổi tối. Nhà trai mang trầu cau, rượu, xôi, gà, lợn...đến nhà gái. Dẫn đầu là một cụ già, không có tang, vợ chồng song toàn, lắm con nhiều cháu. Cụ già mặc áo thụng xanh, cầm bó hương hay ôm lư trầm. Theo sau là những người đội lễ vật, tiếp đến chú rể, họ hàng. Ngày xưa chú rể đội nón. Đến đầu thế kỷ 20, chú rể tân thời bỏ chiếc nón, thay bằng cái ô tây, miệng phì phèo thuốc lá. Ngoài Bắc, chỉ có cha chú rể đi đón dâu. Trong Nam, cha mẹ chú rể cùng đi.



Chăng giây

Trên đường đến nhà gái, nhà trai thường bị những người nghèo và trẻ con tổ chức bày hương án, *chăng giây* ngăn cản. Mục đích của đám này là đòi ăn uống, tiền bạc, họa hoàn mới để mua vui. Muốn cho mọi chuyện được êm đẹp, khỏi bị quấy phá, chửi rủa tục tằn, làm chậm trễ buổi lễ, nhà trai thường phải chiều ý chúng.

Khi nhà trai tới đầu ngõ, nhà gái đốt pháo đón mừng. Người chủ hôn hoặc cha chú rể đứng ra tuyên bố xin đón dâu. Đại diện mẹ chú rể bưng trầu cau đặt trước mặt nhà gái để *xin con dâu*.

Nhà gái mời đại diện nhà trai cùng cô dâu chú rể làm lễ *cáo gia tiên* . Đây cũng là một dịp để trẻ con bên nhà gái đóng cửa nhà thờ không nhéo vôi tiền nhà trai.

Sau đó, nhà trai xin rước dâu. Ngoài Bắc, cha mẹ cô dâu không đưa tiền con gái về nhà chồng. Trong Nam, nhà

gái cũng kén một cụ già cầm bó hương đi trước, theo sau là cô dâu và cha mẹ họ hàng, bạn bè đưa tiễn.

Đám rước dâu vẫn do cụ già của nhà trai cầm bó hương dẫn đầu, đằng sau là hai họ. Đoàn người về tới đầu ngõ thì nhà trai đốt pháo chào mừng.

Trong lúc đi đường, cô dâu ăn mặc đẹp sợ bị thiên hạ quở quang, phải *cài vài cái kim vào choàng áo* để trấn áp những câu nói độc mồm độc miệng.

Giữa bậc cửa vào nhà chú rể đặt một *hỏa lò than hồng để cô dâu bước qua*. Than hồng sẽ đốt hết những vicia xấu đi theo quấy phá cô trên đường về nhà chồng.

Trước khi cô dâu bước vào nhà, mẹ chú rể *xách bình vôi lách mặt* một lúc lâu rồi mới về chào mừng hai họ.

Có người cho rằng bình vôi tượng trưng cho của cải trong nhà. Lại có người cho rằng bình vôi là một *tục bái vật* cổ truyền xa xưa của dân ta. *Bình vôi là bà chúa trong nhà, chưa ai định danh là bà chúa gì, nhưng bình vôi tượng trưng cho uy quyền chúa nhà, nhà nào cũng có bình vôi. Khi làm vỡ bình vôi thì đem mảnh bình còn lại cất ở chỗ uy nghiêm hoặc đưa lên đình chùa, không vứt ở chỗ ô uế.*

Tại sao bình vôi lại là uy quyền, của cải ?

Chữ *vôi* (nôm) được viết bằng chữ *khôi* (hán việt). Khôi chính nghĩa là tro, là màu xám. Chữ khôi có nhiều từ đồng âm. Trong đó có chữ *khôi* (bộ quý) nghĩa là *đứng đầu* và chữ *khôi* (bộ ngọc) nghĩa là *quý báu*.

Do đó cái bình vôi của ta được dùng để tượng trưng cho *người đứng đầu* và *của cải*. Bà mẹ chồng giữ bình vôi để bảo vệ uy quyền của mình và của cải của gia đình. Chiếc bình vôi chỉ là một suy diễn chữ nghĩa của giới bình dân chứ không mang nội dung thần thánh. Ý kiến cho rằng bình vôi là *bà chúa chưa ai định danh là bà chúa gì* và bình vôi là *tục bái vật* có lẽ đã vượt quá xa khả năng suy diễn hán nôm của giới bình dân !

Có nơi chờ đám rước dâu về tới đầu ngõ, một người *lấy chày giã vào cối đá*, đôi khi giã mạnh đến vỡ cả cối. *Tục ấy thì ngộ quá, không hiểu ý làm sao* (Phan Kế Bính).

Giã cối là một tục cổ, có từ thời đại Hùng Vương.

Giã cối cũng là một tục lệ ngày hội. Từng đôi nam nữ cầm chày dài đứng giã cối tròn. Đó là những chiếc cối rỗng, là một thứ dụng cụ nông nghiệp, đồng thời là nhạc cụ, và cũng là vật tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở. Trở thành một tiết mục trong ngày hội lễ, giã cối (và hát) vừa là hình thức biểu diễn và thưởng thức văn nghệ vừa là trò chơi và hình thức giao duyên nam nữ, vừa mang ý nghĩa cầu mong sinh sản thịnh vượng.

Chày cối, theo quan niệm dân gian, là hình giống của nam và nữ. Giã cối, ở một số nơi, còn có ý nghĩa tượng trưng cho hành động tính giao.



đón dâu ngoài cửa

Cô dâu, chú rể cùng lễ tổ ở nhà thờ họ nhà trai, rồi trở về nhà chú rể lễ gia tiên, chào mừng cha mẹ, họ hàng bên chồng.

Con gái là con người ta

Con dâu mới thật mẹ cha mua về

Từ giờ phút này, cô dâu trở thành một người của gia đình bên chồng.

Có nơi còn làm lễ *tơ hồng*, cảm ơn Nguyệt Lão đã xe duyên cho đôi trẻ.



Hợp cẩn

Tích Nguyệt Lão kể rằng :

Đêm trăng, Vi Cố đi chơi gặp một ông già ngồi đọc sách, tay cầm năm dây tơ màu đỏ. Vi Cố chào hỏi, ông già tự xưng là Nguyệt Lão chuyên việc xe duyên cho nhân gian. Dây tơ đỏ để buộc chân những cặp vợ chồng có tên trong sách. Vi Cố tò mò muốn biết ai sẽ là vợ tương lai của mình. Nguyệt Lão tra sách, trả lời là đứa bé gái, con người ăn mày ngoài chợ. Vi Cố tức giận. Hôm sau ra chợ tìm giết đứa bé. Đứa bé bị Vi Cố chém một nhát trúng đầu, ngất đi. Về sau Vi Cố kết duyên cùng con gái một vị quan to. Một hôm thấy vết sẹo trên đầu vợ, hỏi ra mới biết rằng thuở nhỏ nàng bị một người chém giữa chợ, được quan cứu sống, đem về nuôi.

Tối hôm cưới, gọi là tối *động phòng*, làm lễ *hợp cẩn*. Hai vợ chồng cùng uống chung một chén rượu.

Cưới được ba ngày, đến ngày thứ tư thì hai vợ chồng mang xôi chè, trầu rượu về nhà bố mẹ vợ lễ gia tiên, gọi là lễ *lại mặt* hay *tứ hi*.

Luật xưa nghiêm cấm cử hành lễ cưới trong lúc gia đình có tang từ một năm trở lên (tang ông bà, chú bác, cha mẹ). Nhà trai hoặc nhà gái gặp lúc gia đình có cha mẹ, ông bà hay chú bác đau ốm nặng, thường cho cử hành gấp lễ cưới. Nếu có người chết, phải làm đám cưới trước khi phát tang.

Cưới vội vã như vậy gọi là *cưới chạy tang*.

Xã hội Việt Nam đã thay đổi sâu xa. Phần đông trai gái ngày nay lấy nhau ở độ tuổi từ 20 đến 30. Họ có nhiều dịp gặp gỡ, tìm hiểu nhau trước khi quyết định làm đám cưới. Cha mẹ được hỏi ý kiến nhưng không còn nắm vai trò quyết định nữa. Nhờ đó mà hủ tục môn đăng hộ đối không còn nữa. Nghi lễ được tổ chức đơn giản để đỡ tốn thời gian. Lễ hỏi, lễ cưới chỉ có trầu cau, trà bánh và rượu. Lễ gia tiên còn được giữ, các lễ khác thường bỏ qua.

Nhiều nơi rước dâu bằng xe hơi.

Ở nước ngoài, các cô dâu Việt Nam thường mặc áo dài thêu rồng vẽ phượng, đầu đội khăn vành, màu đỏ màu vàng, trong khi ở trong nước các cô lại chuộng chiếc áo cưới công kênh lết đất của Âu Mỹ.

Chiều tối hai họ cùng tổ chức mời bạn bè ăn uống. Cô dâu thay ba bốn bộ quần áo, giống như một cuộc trình diễn thời trang.

Nguyễn Dư
(20/9/2000)

Sách báo tham khảo:

- Phan Kế Bính, [Việt Nam Phong Tục](#), Tổng Hợp Đồng Tháp, 1990.
- Toan Ánh, [Phong Tục Việt Nam](#), Khai Trí, 1968.
- Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu, [Đất Lề Quê Thói](#), Saigon, 1968.
- Nhiều tác giả, [Thời đại Hùng Vương](#), Khoa Học Xã Hội, 1976.
- http://www.vnn.vn/vnn3/phongtuc/gio_tet/bai_vat.htm
- Đào Duy Anh, [Hán Việt từ điển](#), Trường Thi, 1957.

Phở, phởn, phịa ...

Nguyễn Dư

(Kính tặng quý ông, quý bà đã từng mê một vì phở)

Hôm nay tôi xin được tập tễnh múa rìu qua mắt bá quan văn võ của viện hàn lâm ẩm thực, lạm bàn về phở.

Thật ra thì những điều cần nói về phở đã được các chuyên gia mổ xẻ, phân tích, ca tụng từ năm xưa năm xưa hết rồi. Chỉ cần lật mấy bài viết về phở của Thạch Lam (Hà Nội ba mươi sáu phố phường, 1943), Vũ Bằng (Miếng ngon Hà Nội, khoảng 1952), Nguyễn Tuân (Phở, 1957) ra đọc là ai cũng có thể cảm nhận được hết cái ngon, cái thú, cái quyến rũ của một món quà cổ truyền của ta.

Nếu vậy thì còn gì để phải nói nữa ?

Ấy đây, nếu chỉ ngừng ở chỗ ngon, ở cái thú thì chuyện đã xong từ lâu rồi. Khốn nỗi sau những giây phút no ấm ngất ngây, tinh thần sảng khoái, các chuyên gia ẩm thực lại bắt đầu... thắc mắc. Thế là chả ai bảo ai, tất cả cùng vung tay gạt bát đĩa sang một bên, rủ nhau ngồi bàn luận hăng say, có người quên cả xỉa răng.

Câu hỏi quan trọng đầu tiên được các vị đặt ra là phở từ đâu ra ?

Nguyễn Thanh (*Phở*, Đoàn Kết số tháng 10, Paris, 1987) , Nguyễn Thắng và Xung Xa Hột Lựu (*Mũ phở khăn rằn*, Đoàn Kết số tháng 7-8, Paris, 1988) đã luận bàn tỉ mỉ, chí lý về nguồn gốc của phở. Theo một số học giả thì phở vốn gốc Tàu, được Việt hóa. Tên phở đến từ chữ *phấn* của *ngưu nhục phấn*. Tuy nhiên thuyết này vẫn còn bị nhiều người phản đối khá gay gắt. Phở là món ăn hoàn toàn Việt Nam ! Tại sao cứ phải mang mặc cảm, chối bỏ nguồn gốc như vậy?

Ta bị mặc cảm, nhưng tự ti hay tự tôn? Đang còn phân vân thì bỗng nghe tin Pháp đòi bản quyền tác giả của phở. Các ông ấy được tư vấn, cố vấn ra sao mà cứ nhất định rằng phở bắt nguồn từ... pot-au-feu.

Thoạt nghe thấy cũng có lý. Rõ ràng là tiếng phở của ta nghe rất giống tiếng feu của Pháp. Phở phải ăn nóng... như lửa mới ngon! Eo ơi ! Thế là một số bà con Việt Nam ta thắc mắc, hoài nghi, cuối cùng ngã theo thuyết cho rằng phở là của Pháp chứ chẳng phải ta hay Tàu gì cả.

Nể tình mà nói thì thực dân Pháp đến cai trị nước ta trong khoảng gần 100 năm đã để lại dấu vết của sâm banh, bít tết, ba tê, ba gai, xà lách, xà lim, cà rốt, cà nông v.v. và v.v., như vậy thì món pot-au-feu cũng có thể là cha đẻ của phở lắm chứ ?

Xét về lý thì pot-au-feu được Larousse định nghĩa là *món ăn làm bằng thịt bò hầm với cà rốt, tỏi tây, củ cải v.v.* hoặc là tên của *miếng thịt dùng để nấu món pot-au-feu*.

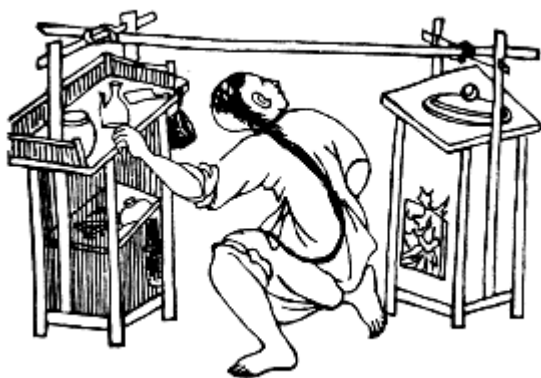
Hai định nghĩa của Larousse cho thấy rằng phở chỉ giống pot-au-feu nhiều lắm là tảng thịt bò hầm, còn lại mớ cà rốt, tỏi tây, củ cải và đồ gia vị thì xin gác qua một bên. Thịt bò hầm kiểu này cũng có mùi vị đặc biệt không giống thịt phở chín. Hơn nữa, người Pháp ăn pot-au-feu với bánh mì, khoai tây... chứ chưa thấy ai ăn với bánh phở bao giờ ! Xem vậy thì pot-au-feu khá xa lạ với phở.

Các hàng phở ở Hà Nội trước đây cũng đã thử nghiệm phở sốt vang (hai tiếng sốt vang hoàn toàn đến từ tiếng Pháp) để làm vừa lòng mấy ông tây bà đầm. Tôi chưa được ăn phở sốt vang, nghe nói khá đắt vì được xào xáo với rượu vang. Thuở bé xin mẹ được một đồng bạc, đánh chén một bát phở không, không thịt, là đủ sướng mê tơi rồi. Làm sao mà biết được phở sốt vang trong tiệm của người lớn. Sau này có tiền muốn ăn cũng không được vì món này chết yểu rất sớm. Đông và tây khó mà gặp được nhau trong bát phở.

Cái lý nó khuyên ta không nên lẫn lộn hai món ăn cổ truyền của hai quốc gia văn hiến. Nhưng nói như vậy chỉ là nói suông! Đành rằng ta vừa có tình vừa có lý, nhưng rốt cuộc ta mới phê bình pot-au-feu chứ ta vẫn chưa có bằng cứ gì về gốc gác của phở để bác pot-au-feu.

Xin lỗi các bạn, vì bức pot-au-feu nên tôi hơi dông dài. Bây giờ xin bàn có bằng cứ.

Hy vọng rằng 2 tấm tranh dân gian Oger (1909) tôi đem ra trình làng sau đây sẽ góp phần làm sáng tỏ được vấn đề nguồn gốc và tên gọi của phở.



Tấm tranh thứ nhất vẽ một hàng quà. Những ai đã từng sống ở Hà Nội năm xưa, trước 1954, chắc đều nhận ra dễ dàng đây là một hàng phở gánh. Tấm tranh vẽ một bên là thùng nước dùng lúc nào cũng sôi sùng sục, bên kia xếp tất cả những đồ cần thiết. Chúng ta nhận ra con dao thái thịt to bản, lọ nước mắm hình dáng đặc biệt, cái xóc bánh phở bằng tre đan treo bên thành, cái liễn đựng hành, mùi. Tầng dưới là chỗ rửa bát, bên cạnh có cái

giỏ đựng đũa. Con dao to bản và cái xóc bánh đủ cho chúng ta biết rằng đây là một gánh phở, có thể nói rõ hơn là phở chín. Sức tắc không dùng hai dụng cụ này. Sức tắc nhúng, trần những lọn mì bằng cái vỉ hình tròn, đan bằng giậy thép. Còn hủ tiếu ? Cho tới năm 1954, đường phố Hà Nội chưa biết hủ tiếu. Và lại những xe hủ tiếu (xe đẩy chứ không phải gánh) của Sài Gòn cũng không thái thịt heo bằng con dao to bản của hàng phở chín.

Tấm tranh này xác nhận rằng vào những năm đầu thế kỷ 20, ở ngoài Bắc, đặc biệt là ở Hà Nội, phở gánh còn do người Tàu (và có thể cả người Việt Nam ?) bán.

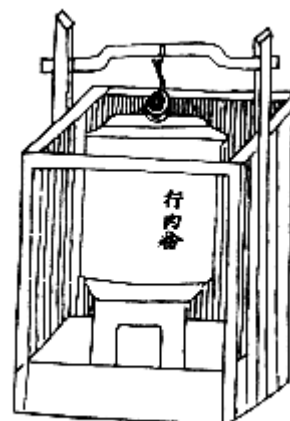
Tám tranh thứ nhì có tên là *hàng nhục phần*, vẽ thùng nước dùng. Hai thùng nước dùng của hai tranh khá giống nhau. Tranh thứ nhì cho biết rằng chữ ngu của món *ngu nhục phần* sang đầu thế kỷ 20 bắt đầu bị rơi rụng. Tên món ăn trở thành *nhục phần*.

Nhưng dựa vào đâu để nói rằng chữ *phở* đến từ chữ *phần* ?

Trong bài *Đánh bạc* của Tản Đà được viết vào khoảng 1915-1917 có đoạn :

(...) Trời chưa sáng, đêm còn dài, thời đồng tiền trong tay, nhiều cũng chưa hẳn có, hết cũng chưa chắc không. Tất đến lúc đứng dậy ra về, còn gì mới là được.

(...) Có nhẽ đánh bạc không mong được, mà chỉ thức đêm ăn nhục phơ ?



hàng nhục phần

Tản Đà gọi nhục phần là nhục phơ. Chữ phần chuyển qua phơ trước khi thành phở. Phơ của nhục phơ (chứ không phải feu của pot-au-feu) mới là tiền thân của phở,.

Tóm lại, *ngu nhục phần* đã được nói gọn thành *nhục phần* từ đầu thế kỷ 20 (tranh dân gian). Nhục phần được chuyển thành *nhục phơ* (Tản Đà). Ít năm sau nhục phơ được dân chúng đổi thành *phở* (*Việt Nam tự điển*, Khai Trí Tiến Đức, 1933). Năm 1943 Thạch Lam đưa *phở* vào văn học.

Kể từ năm 1943, trong văn học cũng như trong dân chúng, tên phở được tất cả mọi người dùng.

Mới bàn đến tên phở thôi mà đã ồn ào như thế, huống hồ bàn đến những vấn đề to lớn khác !

Tôi không đủ khả năng đề cập đến những vấn đề thuộc phạm trù triết lý, thẩm mỹ. Có cho húp cạn dăm ba thùng nước phở tôi cũng chịu không biết rõ mặt mũi một bát phở đúng điệu phải ra sao, một bát phở ngon phải như thế nào ?

Trước khi ngừng, xin kể vài mẩu kỷ niệm của những lần được tay nâng môi kề một bát phở.

Ai ơi bụng bát phở đầy... Khó quên được "phở" của bọn sinh viên chúng tôi vào những năm 65-70. Cái thời ở Pháp không kiếm đâu ra được bánh phở, nước mắm. Chúng tôi hầm thịt với muscat, đinh hương, viandox. Ăn với mì sợi, hành tây. Nghĩ lại mới thấy "phở" thời đó sao mà giống pot-au-feu thế. Thế mà đĩa nào cũng khen ngon. Ôi, cái thời tuổi trẻ còn dễ tính.

Mấy năm đầu của thời kỳ Việt Nam đổi mới và mở cửa...

Hà Nội như một người mới ốm dậy đòi ăn giả bữa, xối xả lao mình vào... ăn trứng. Vừa bổ, vừa sang! Các cửa hàng rộn vang tiếng đòi đập thêm trứng. Bánh cuốn cũng trứng. Phở cũng trứng! Một trứng chưa đủ, vẫn còn thèm. Cho hai trứng nhé ông hàng ơi !

Nhiều con mắt liếc trộm khách hào hoa! Gọi một bát phở thường lúc này là chuyện hơi không bình thường.

Xế cửa nhà tôi ở trọ có một hàng phở bình dân. Không phải phở tiệm, cũng không phải phở gánh. Hàng phở kiểu này chưa có tên trong văn học. Tạm gọi là phở hè lẽ tề. Bàn ăn cũng như ghế ngồi của khách, của chủ chỉ cao cách mặt vỉa hè độ 20 phân. Ai thích nước phở trong và ngọt thì nên đến ăn ở đây. Trong vắt, không một váng mỡ ! Đường như xoong nước dùng chỉ có nước, muối và bột ngọt. Mỗi bát phở được cô hàng tặng thêm lưng thìa cà phê bột ngọt. Khách muốn đậm đà hơn ? Dạ có (muối trộn bột ngọt) đây ạ. Được cái phở cũng có ớt, chanh, hành hoa thái nhỏ.

Tại Huế, khu Gia Hội có một tiệm nho nhỏ nhưng chuyên làm cả một bảng các món đặc biệt. Hai ba kiểu mì xiu mại, hoành thánh, dầu chao quẩy. Ba bốn kiểu phở tái, chín, nạm, gầu. Có cả hủ tiếu Nam Vang, mì Quảng... Điểm độc đáo của tiệm là tất cả các món đặc biệt này chỉ cần một thùng nước dùng.

Một hôm tôi lang thang dưới Xóm Bóng (Nha Trang). Mải la cà chụp ảnh, quá ngọ mới đi ăn trưa. May quá còn tiệm phở mở cửa. Ông chủ vồn vã mời ăn phở đặc biệt (lại đặc biệt). Khoái quá, tôi gật đầu lia lịa. Làm xong bát phở, ông chủ đi nghỉ trưa. Cả tiệm chỉ còn tôi với bát phở đặc biệt ! Ăn hết mấy sợi bánh tôi vẫn chưa hết dè dặt với cái khối gì là lạ nổi trong bát. Một lát tôi ngoắc thằng bé từ nhà trong đi ra, hỏi nó xem tôi đang ăn phở gì ? Thằng bé chăm chú dòm bát phở. Con không biết, để con hỏi mẹ. Dạ mẹ không biết, chờ lát nữa hỏi ba. Dạ ba nói là phở giò. Phở giò của Vũ Bằng đây à ?

Ấy đấy, chữ nghĩa mà không rõ ràng thì thật là phiền.

Nhân dịp lên kinh đô ánh sáng, tôi được bạn rủ đi ăn phở. Mời ông ăn phở ngon nhất Paris, được sách hướng dẫn du lịch khen đáng hoàng. Cho 2 tô đặc biệt ! Không đặc biệt hóa ra thua thiên hạ à ? Ông bạn trịnh trọng múc tương tàu, tương ớt ra đĩa. Ủa, sao ông nói là ăn phở ? Phở đặc biệt chính hiệu con nai vàng đây. Vừa chín, vừa tái, lại thêm bò viên, cổ hũ, lá sách. Nhiều thứ vui lắm. Ăn phở mà lại vui nữa thì nhất rồi ! Giá mà thêm tí bê thui chấm tương gừng nữa thì vui hết xẩy !

Đến Mỹ mà không đi thăm khu Tiểu Sài Gòn thì...kể như chưa đến Mỹ. Nghe bên phải bên trái người ta nói như thế. Mới chân ướt chân ráo tới Cali tôi đã vội yêu cầu được tới thăm thủ đô thứ hai của Việt Nam.

Chúng tôi đi chợ, ăn phở. Hên quá, gặp lúc tiệm đang quảng cáo khuyến mại, mua một tặng một. Mua một bát phở người lớn, tặng một bát phở trẻ con. Theo thói quen, tôi bắt đầu bằng thưởng thức miếng thịt chín. Thôi nguy rồi ! Không có tằm ! Có chó, để ở quầy trả tiền ngoài kia kìa. Mắc răng kiểu này thì chỉ còn nước ngồi ngấm mấy miếng thịt gân to bằng nửa quân bài tây, chờ mọi người ăn xong. Kỹ thuật thái thịt bây giờ tiến lắm. Đem đông lạnh, thái bằng máy, muốn to mấy cũng được.

Một lần khác, trong một tiệm phở khác, tôi bị bối rối. Tàu bay, tàu thủy, tàu hỏa, hàng không mẫu hạm... Cả một thời quá khứ, chọn gì đây ? Bát thường thôi ông ạ. Mấy cái tàu to như...cái chậu, sức tụi mình không kham hết đâu !

Việt kiều Cali rất hãnh diện là nơi đây thức ăn vừa rẻ, vừa đầy nòi !

Chúng ta có thể nói không ngoa là phở đã sống thăng trầm với người Việt Nam. Nơi thôn ồ hay chốn thị thành, tại quê nhà hay khắp năm châu, lúc khó khăn thiếu thốn cũng như buổi ấm no thanh bình, phở luôn ở bên cạnh mọi người.

Xa xưa, phở là phở bò, phở chín. Ngày nay, phở thay da đổi thịt, muôn màu muôn vẻ. Cách nấu, cách ăn thay đổi không ngừng. Đã đến lúc phải phân loại, đặt tên cho bát phở để tránh ngộ nhận.

Đại khái chúng ta có thể phân biệt :

Bát phở bò của Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân thì gọi là...phở.

Tàu bay, tàu bò, thịt to bánh nhiều cốt làm vui lòng giới ẩm thực vũ bão thì nên gọi là...phởn.

Ngầu pín, viagra, cổ hũ, lá sách, trứng, giò heo, thịt chó (có người định thử) thì phải gọi là...phịa!

Còn cái thứ chết tiệt của mấy ông sinh viên ? Xin tự phê gọi nó là...phản.

Tiếng Việt vốn giàu âm thanh, ngữ nghĩa, còn nhiều chữ khác có thể dùng cho phở được. Tuy nhiên chúng ta cũng nên thận trọng yêu cầu các nhà văn học định nghĩa rõ ràng các chữ dùng kéo lại gây ra những bàn cãi dài dòng cho mai sau.

Trong quá khứ đã từng có một giáo sư thuyết trình tại hội Việt Mỹ (Sài Gòn) rằng

[Gió đưa cành trúc la đà](#)

[Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương](#)

Chuông chùa Thiên Mụ ngân nga thánh thót, chicken soup của Thọ Xương thì tuyệt, không đâu ngon bằng !

Mới đây, trong một cuốn hướng dẫn du lịch Việt Nam rất đẹp, soạn công phu, có chậu hoa màu đỏ được chú là... fleur de théier.

[Trà với chè tuy hai mà một,](#)

[Trà với trà tuy một mà hai.](#)

Trà (camélia) và trà (théier), chẳng nào chả là trà. Cứ động đến ăn uống là các ông chỉ hay lý sự lồi thôi !

Nguyễn Dư
(Lyon, 2/ 2001)

Thơ Đan Tâm

Người đi săn trên đầu núi Hồng Lĩnh

Kính tặng Tổ Như

*Y Quan đạt giả chí thanh vân
Ngô diệc lạc ngô mi lộc quần.
Giải thích nhân tình an tại hoạch,
Bỉnh trừ dị loại bất phương nhân.
Xá miên thiển thảo hương do thấp
Khuyến độ trùng sơn phệ bất văn.*

(Liệp - Nguyễn Du)

Người bay trên đầu núi
Thấp thoáng giữa mù sương
Hái một cành hoa dại
Còn ướt đầm sương mai
Và gắn vào búi tóc
Chợt nhớ đến đàn nai
Khi thoáng nghe tiếng chó
Người chạy nhanh như gió
Xuống tận dưới lũng sâu
Gió mai thổi qua đầu
Người rùng mình nhẹ nhẹ
Bỗng người dừng ! se sẽ
Rút một mũi tên dài
(Người vừa thấy bóng nai !)
Tên bay như lụa xé
Nai gục ngã bên khe
Người chạy lại vội quỳ
Cúi nhìn giòng máu chảy
Người nhẹ nâng đầu nai
Nhìn sâu vào đôi mắt
Mơn man trên mình nai
(Êm như da con gái)
Và người bỗng thở dài
Nghe mắt nhìn đầm lệ
Người cúi xuống dòng khe
Nhìn mái đầu bạc trắng
Trôi trên bầu trời xanh
Người gục đầu nức nở

Cành hoa rời búi tóc
Theo dòng suối trôi nhanh.

12.11.66

Ở lại

Con tàu ra đi
mang theo nhiều kỷ niệm
và hy vọng
trời mưa như khóc
người con gái cúi đầu
nhìn nước chảy bên hè
hát thầm bài ca cũ
và đôi mắt đỏ hoe.

Ảo ảnh

cắm đầu trong miệng giếng
nhìn ảnh mình xa xôi
im trôi
trên những vè mây trắng
giọt nước vô tình cắt
vòng tròn đáy giếng
ảnh vỡ tan
tôi bỗng chạy tìm tôi.

ZÉRO = SỐ NHIỀU

những tờ giấy nhỏ mang những số to
mở tung các ngõ

em chớ như tờ giấy ấy
khổ bé thuận số ngàn
anh lảng cháng làng nhàng
làm sao chui qua mạng lỗ tròn các số O
tờ giấy

bạc !

SINH CHỮ CON KHÔNG CẦN LÔNG NGỔNG

*

16 / 04 / 2001

năm mươi lăm nên con lỗ chỗ một ổ ga-tô
căng phô nùm chữ ở cũ tôi men

*

mẹ lười

cọ

râu

ngày lễ cha không về

amen

*

nhà

cầu

giả tưởng ngồi thật

lâu

em có nghe ma lực ngón trở đêm qua

*

liếp nổi da gà :

vách khuya lửa chữ tìm nhau

sao tôi cứ đau cái đau của lửa

*

các từ đồng âm thất thanh đồng nghĩa

sáng tạo =

ok tự trọng

ok thoát tạt nói ngọng

ok sẵn sàng đạn bom

bríz coeur tôi vay tạm cái dái * thơ anh

*

" chai-uyt-ky cổ đen trước nhà" sao cứ xoi mới lý lịch chữ
(hết chuyện dzui rồi sao !)

*

Thơ Nguyên Thái

Rừng

Như một lời nguyện

Rừng không tường, vách, cửa che
Gió qua gió lại bốn bề thông dong,
Gió đùa lá, gió ngút bông
Trước sau rừng cũng vui cùng gió reo.

Lòng rừng bỏ ngỏ thênh thang
Muôn chim chóc đến họp đàn hát ca,
Chim ăn trái, chim mổ hoa
Nhạc rừng mãi mãi đậm hòa nhạc chim.

Cùng bờ cát ngủ say

Liên miên từng đợt sóng vàng
Tập chân lau trời cung đàn du dương.
Thời gian gõ nhịp mười phương,
Không gian mở rộng theo đường nhận bay.
Soãi ôm bờ cát ngủ say,
Trong tâm trong vắt nở đầy bông lau.

Lao tù cuộc đời

Chúng ta
người da đen có cái bóng nô lệ
người ả-rập không có dầu lửa
người da vàng mắt còn kinh đói khổ
trôi dạt về quanh các xóm ngoại ô nghèo
vào các nhà máy đầy dầu mỡ
xuống những khu hầm mỏ
hoặc ngày ngày ở ngay trên đường phố
đổ rác, quét phân
đào đường lấp hố
đi làm cộng
kí-cóp từng đồng
đời bèo bọt dăm khung trời ỏ chuột
đem giấc mơ con
chống chỏi thời gian như thác lũ,
chống chỏi cuộc đời như bão tố

Người ta gọi chúng ta là dân nhập cư
tiếng ấy nghe rất nhiều lần
nhưng chỉ mơ hồ đâu hiểu rõ !

Tôi còn nhớ
chúng ta đó
đổ xuống bến tàu
đôi mắt trong, đen ngòm bờ ngõ
nhưng miệng cười hiền hậu. van lon
bên cạnh đóng va-li, bị, gói rẻ tiền
như trâu ngựa sẵn sàng mang gánh nặng.

Chúng ta đó
đổ xuống sân bay
dắt díu nhau trước cuộc đời lạ mắt
rời quê hương đôi mắt đã lưu đầy
đâu thấy gì khi ngoảnh đầu trở lại
chỉ thấy mù sương một khoảng trời.

Chúng ta đó
theo bọn buôn người
vượt đường biên giới
bao kẻ cùng đi mà chẳng tới
mười kẻ ra đi một kẻ về
lao tù cuộc đời rộng mà đen tối
bữa tiệc cuộc đời đâu ai gọi

ta biết ta nghèo
nhưng từng hạt cơm rơi
là giọt nước mắt
là giọt mồ hôi
chúng ta chưa hề ăn xin, ăn bám cuộc đời !

Thế mà
người ta giờ gọi ta là những người lao động di dân
như nói về ký sinh trùng trên thân thể
như nói về sâu bọ với mùa màng
ngay trong thâm tâm dăm người tử tế
chúng ta không hơn khách trọ chung nhà
có phải vì ta mang bầu trời lạ
trong tim, trong hồn, trong máu, trên da
niềm vui riêng là cánh thư kẻ khổ
là món quà chật bóp gửi về xa
giấc mơ đêm đêm âm thầm chua xót
bóng cọ, cây dừa với khoảng rừng thưa
một khu vườn con, một căn nhà nhỏ
mộc tặc đời yên ổn tự do ?

Cái gì đã xui chúng ta ra đi ?
ai trả lời cho được !
khi thế giới còn chia Bắc Nam,
khi miếng ăn vẫn còn là khí giới
khi lao tù cuộc đời rộng mà đen tối

St Charles, 1982

Biển trời

(mẫu)

Một bên núi đá Trường Sơn
Một bên bãi trắng cát thơm mặn mà
Xanh lơ sóng biển xa xa
Nhịp nhàng vỗ đá thiết tha gọi chào

(nói)

Thiên nhân tương dữ (1)
Biển trời hùng vạn ngàn chữ nào hay
Một trăm năm xe tạo hóa vùn quay
Đôi giây phút sóng mây gợn sắc khí
Tri túc chi túc thường túc hĩ (2)
Thường nhân văn Đạo đại tiểu chi (3)
Biết hôm nay ngộ giảng Duyên gì
Bao năm cũ ngày đêm cầu thức Giác
Đến nơi đây vì đâu cảm tác
Gió biển mây trời đất cát xum vầy
Lẽ đơn giản trần gian ai thấy
Cảnh thiên nhiên gợi ý bấy nhiêu năm
Gió đưa sóng gợn lẫn tăn

(1)- Trời và người có ảnh hưởng đến nhau

(2)- Biết đủ trong cái đủ thì luôn luôn đủ

(3)- Kẻ thường mà nghe nói đến Đạo sẽ cười mà bỏ qua (Đạo Đức Kinh)

Thơ tiền chiến

Trên Đường Về - Chế Lan Viên

Tình Quê - Hàn Mặc Tử

Lá Diêu Bông - Hoàng Cầm

Thuyền Đi - Huy Cận

Còn Chi Nữa - Lưu Trọng Lư

Những Bóng Người Trên Sân Ga - Nguyễn Bính

Lời Kỹ Nữ - Xuân Diệu

Trên Đường Về

Một ngày biếc thị thành ta rời bỏ
Quay về xem non nước giống dân Hời:

.....
.....

Đây, những Tháp gây mòn vì mong đợi
Những đèn xưa đổ nát dưới Thời Gian
Những sông vắng lê mình trong bóng tối
Những tượng Chàm lở lói rỉ rên than.

Đây, những cảnh ngàn sâu cây lá ngọn,
Muôn Ma Hời sò soạng dất nhau đi
Những rừng thăm bóng chiều lan hỗn độn
Lùng hương đưa, rộn rã tiếng từ qui !

Đây, chiến địa nơi đôi bên giao trận
Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang
Máu Chàm cuộn thác ngày niền oán hận,
Xương Chàm luôn rào rạt nổi căm hờn.

Đây, những cảnh thái bình trong Chiêm Quốc
Những cô thôn vàng nhuộm nắng chiều tươi
Những Chiêm nữ nhẹ nhàng quay lại ấp
Áo hồng nâu phủ phất xỏa lời vui

Đây, điện các huy hoàng trong ánh nắng,
Những đèn đài tuyệt mỹ dưới trời xanh
Đây, chiến thuyền nằm mơ trên sông lặng,
Bầy voi thiêng trầm mặc dạo bên thành.

Đây, trong ánh ngọc lưu ly mờ ảo
Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà,

Những Chiêm nữ mơ màng trong tiếng sáo,
Cùng nhịp nhàng uyển chuyển uốn mình hoa.

Những cảnh ấy Trên Đường Về ta đã gặp
Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi
Và từ đáy lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương, nhớ tiếc giống dân Hời.

Chế Lan Viên

[^]

Tình Quê

Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đồi quê
Gió chiều quên ngừng lại
Giòng nước quên trôi đi
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường mê
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trắng thề
Dầu ai không mong đợi
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khô
Dầu ai trên bờ liễu
Dầu ai dưới cành lê
Vội ngày xuân hờ hững
Cố quên tình phu thê
Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng nào nề.

Hàn Mặc Tử

[^]

Lá Diêu Bông

Váy Đình Bảng buông chùng cửa võng
Chị thân thơ đi tìm
 Đồng chiều
 Cuống rạ
Chị bảo
Đưa nào tìm được Lá Diêu bông
Từ nay ta gọi là chồng

Hai ngày Em tìm thấy Lá
Chị chau mày
 Đâu phải Lá Diêu bông
Mùa đông sau Em tìm thấy Lá
Chị lắc đầu
 trông nắng vẫn bên sông
Ngày cưới Chị
 Em tìm thấy Lá
Chị cười xe chỉ âm tròn kim

Chị ba con
 Em tìm thấy Lá
Xòe tay phủ mặt Chị không nhìn

o0o

Từ thuở ấy
 Em cầm chiếc Lá
 đi đầu non cuối bể
Gió quê vì vút gọi
 Diêu bông hời...
 ...ới Diêu bông...!

-- Rét 1959
Hoàng Cầm



Thuyền đi

Trăng lên trong lúc đang chiều,
Gió về trong lúc ngọn triều mới lên.

Thuyền đi, sông nước ưu phiền;
Buồm treo rắng đỏ giông miền viễn khơi.

Sang đêm thuyền đã xa vời;
Người ra cửa biển nghe hơi lạnh buồn.
Canh khuya tạnh vắng bên cồn,
Trăng phơi đầu bãi, nước dồn mênh mang.

Thuyền người đi một tuần trăng,
Sầu ta theo nước, tràng giang lững lờ.
Tiễn đưa đôi nước đợi chờ -
Trông nhau bữa ấy; bây giờ nhớ nhau.

Huy Cận

[\[^\]](#)

Còn Chi Nữa

Tặng ba nhà thi sĩ trẻ tuổi...

Giờ đây hoa hoang dại
Bên sông rụng tới bờ
Đã qua rồi cơn mộng,
Đừng vỗ nữa, tình ơi !
Lòng anh đã rời rụng
Trên sông ngày tàn rơi.
Tình anh đã xé bóng,
Còn chi nữa, em ơi ?
Còn đâu ánh trăng vàng
Mơ trên làn tóc rối ?
Chân nâng trên đường sỏi,
Sương lá đỏ rộn ràng.
Trăng nội vẫn mơ màng
Trên những vòng tóc rối ?
Đêm ấy xuân vừa sang
Em vừa hai mươi tuổi

Còn đâu những giờ nhung lụa:
Mộng trùm trên bông
Tình ấp trong gối
Rượu tân hôn không uống cũng say nồng?

Còn đâu mùi cỏ lạ
Ướt trong mớ tóc mây ?
Một chút tình thơ ngây
Không còn trên đôi má.

Lưu Trọng Lư



Những Bóng Người Trên Sân Ga

Những cuộc chia lìa khởi từ đây
Cây đàn sum họp đứt từng dây
Những đời phiêu bạt thân đơn chiếc
Lần lượt theo nhau suốt tối ngày .

Có lần tôi thấy hai cô gái
Sát má vào nhau khóc sục sùi
Hai bóng chung lưng thành một bóng
"Đường về nhà chị chắc xa xôi ?"

Có lần tôi thấy một người yêu
Tiễn một người yêu một buổi chiều
Ở một ga nào xa vắng lắm
Họ cầm tay họ bóng xiêu xiêu .

Hai người bạn cũ tiễn chân nhau
Kẻ ở sân toa kẻ dưới tàu
Họ giục nhau về ba bốn bận
Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.

Có lần tôi thấy vợ chồng ai
Thên thện chia tay bóng chạy dài
Chị mở khăn giầu anh thắt lại:
"Mình về nuôi lấy mẹ, mình ơi !"

Có lần tôi thấy một bà già
Đưa tiễn con đi trấn ải xa
Tàu chạy lâu rồi, bà vẫn đứng
Lưng còng đổ bóng xuống sân ga .

Có lần tôi thấy một người đi
Chẳng biết về đâu nghĩ ngợi gì

Chân bước hững hờ theo bóng lẻ
Một mình làm cả cuộc phân ly.

Những chiếc khăn màu thồn thức bay
Những bàn tay vẫy những bàn tay
Những đôi mắt ướt nhìn đôi mắt ,
Buồn ở đâu hơn ở chốn này ?

Hà Nội, 1937
Nguyễn Bính

[^]

Lời Kỹ Nữ

Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa;
Vội vàng chi, trắng sáng quá, khách ơi\
Đêm nay rằm: yên tiệc sáng trên trời;
Khách không ở, lòng em cô độc qua
Khách ngồi lại cùng em ! Đây gói lả,
Tay em đây mời khách ngả đầu say;
Đây rượu nồng. Và hồn của em đây,
Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử .
Chớ đập hồn em !

Trăng từ viễn xứ
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn.
Gió theo trăng từ biển thổi qua non;
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.
Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn,
Chớ để riêng em phải gấp lòng em;
Tay ái ân du khách hãy làm rèm,
Tóc xanh tốt em xin nguyên dẹt võng.
Đầy hộ hồn em triền miên trên sóng,
Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành;
Vì mình em không được quán chân anh,
Tóc không phải những dây tình vướng víu.
Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.
Người giai nhân: bến đợi dưới cây già,
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt.
Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi.

Người viễn du lòng bạn nhớ xa khơi,
Gỡ tay vương để theo lời gió nước.

Xao xác tiếng gà Trăng ngà lạnh buốt.
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.
Du khách đi.

Du khách đã đi rồi.

Hà Nội 1939
Xuân Diệu

Một câu chuyện thiền

Chén Trà

lời bình của Tung Sơn

Nan-in, một thiền sư Nhật bản dưới thời Minh Trị (1868-1912), ngày kia tiếp một giáo sư đại học đến hỏi Thiền.

Nan-in pha trà, ông rót trà đầy chén của khách, rồi vẫn tiếp tục rót.

Vị giáo sư nhìn nước trà chảy ra ngoài cho đến khi ông không thể tự kiềm chế được nữa bèn nói: "Chén đầy rồi !"

Nan-in trả lời: "Như chén trà kia, trí ngài đầy cả những ý tưởng, những suy luận thuần lý riêng tư. Làm thế nào tôi có thể chỉ Thiền cho ngài, trừ phi ngài đã đổ sạch trà trong cốc của ngài ra ?" (*)

Lời bình của Tung Sơn

Một bạn đọc lời bàn bạc thô thiển và quê mùa của ta xong trách: "Lời bàn của bác thiếu tôn kính. Đối với ngôn từ của những bậc cao minh hiền giả ngày xưa, làm sao bác lại dám đùa cợt, phê bình phóng túng như vậy ?"

Ta ngửa mặt nhìn trời cười to mà không nói, không phải vì học đòi các vị thiền sư, nhưng vì thấy người đang giận, sợ trả lời ngay thì đâm ra cãi vả vô ích.

Ôi! ta nghĩ chuyện thiền là những thí dụ điển hình, có thể dùng làm khởi điểm để suy nghĩ về một số vấn đề căn bản ở đời, và tuyệt nhiên không có tính cách thần bí, linh thiêng. Thế thì bản phận của người bàn không phải là tán dương suông, không phải là thổi vào rún các vị thiền sư để những chiếc bụng xẹp lép vì ăn uống thanh đạm của các ngài phùng to một cách không đẹp và vô ích.

Ôi mọi chuyện ngụ ngôn đều hạn chế và diễn tả một chân lý tương đối. Khư khư bám chặt vào chúng là một chuyện khôi hài vậy. Cho nên khi tuyên bố "Ta vốn không nói lời nào" (ngã bản vô ngôn), đã đành đức Phật muốn nói là những điều Người đã dạy cho đệ tử không đáng kể gì so với những điều Người chứng ngộ, nhưng một đàng người cũng muốn ngăn ngừa tinh thần giáo điều chấp chặt vào kinh điển, trở ngại lớn lao cho hạnh tinh tấn.

Chuyện thiền trên đây nhằm đá kích chủ nghĩa giáo điều hẹp hòi và tinh thần cố chấp thường gặp ở những người trí thức vậy.

Ôi! cũng như chén trà đầy nước, một khi chúng ta đã nô lệ thành kiến, giáo điều rồi thì làm sao chúng ta có thể đối thoại một cách hữu ích với người khác.

Nhưng có người sẽ hỏi: "Câu nói của vị thiền sư há không thể ứng dụng cho chính ông ta hay sao? Dựa vào đâu mà ông cho là những tư tưởng của chính ông là đúng? Và liệu thiền sư lại không phải đổ sạch trà ra khỏi chén của ông ta sao?"

Câu hỏi hoàn toàn chí lý và chính đáng. Câu nói của vị thiền sư cần phải được xem như là lời cảnh cáo cần thiết cho một cuộc đối thoại đích thực nghĩa là một cuộc đối thoại nhằm đi tìm sự thực, trên cơ sở luận lý.

Chính vì vậy mà đạo Phật đề cao tinh thần phá chấp và hỉ xả: không bám chặt những tư tưởng của riêng mình và luôn luôn hoan hỉ đón nhận những tư tưởng đúng đắn, tốt đẹp của người khác.

Do đó, yêu cầu mà vị thiền sư đặt ra cho khách, ngài vẫn thường xuyên đặt ra cho chính mình nếu ngài không chối bỏ tinh thần hỉ xả mà bất cứ người Phật tử chân chính nào cũng phải thực hành. Hình ảnh chiếc chén không, như vậy, diễn tả tinh thần hỉ xả, sẵn sàng chấp nhận chân lý bất cứ đến từ đâu.

Và những kẻ ăn nói hồ đồ, không dám nhìn sự thực và lý luận trên những dữ kiện khách quan đúng đắn, chỉ đáng làm trò cười cho thiên hạ vậy.

Tung Sơn

(*) Dịch thoát theo quyển "101 chuyện Thiền" ("Zen flesh, Zen bones") do Paul Reys soạn.

Cuôi Ba Dùm

Vũ Hạnh

Những ngày sắp dời lên mạn Đông Đường, được biết đồng bào Thượng miền ấy có tục Cuôi Ba-Dùm là tôi bắt đầu ăn ngủ không yên.

Thực ra, trong thời gian sống giữa chốn núi rừng hoang vu, lạnh lẽo thỉnh thoảng tôi cũng mơ tưởng đến những hình bóng nhẹ nhàng của các cô gái ở chốn quê hương. Nhưng sau những lần vọng tưởng như thế, kiểm điểm trở lại tôi thấy mình chẳng yêu một cô nào rõ rệt, bởi vì rõ rệt là chẳng cô nào yêu tôi rõ ràng. Tôi biết nguyên nhân sâu xa sự thiệt thòi này là tại những khi đến gần phụ nữ, tôi thường làm bộ ta đây là bậc đàn anh, lên mặt dạy bảo những điều phải trái. Khi người ta là... cấp trên, chuyên môn nói chuyện đạo đức thì thực khó lòng hạ xuống cầu xin cấp dưới một chút ân huệ ái tình. Rốt cuộc, cấp dưới trở thành một thứ cấp trên rất cao, đến nỗi tôi không tin chắc có ngày mình sẽ đạt tới.

Nhưng không phải chỉ mình tôi gây ra cho tôi sự tình cô độc mà còn tại các cô nữa. Hình như hầu hết các cô miền xuôi đều không phát biểu chân thành, giản dị ý nghĩ của mình. Vì vậy, những người không sành về khoa tâm lý như tôi, khó lòng chiều ý các cô cho được lâu dài. Lại thêm, mỗi một cô gái vừa lớn là y như ở hàng xóm và mỗi góc đường đều túc trực sẵn một chàng trai trẻ để mà cười tình và trao những lá thư duyên. Cho nên tôi không chắc rằng con người tôi yêu có thực trong trắng tâm hồn, hay là trong khi yêu tôi nàng vẫn lẫn lộn với kẻ xóm giềng nào đó.

Tôi cứ cho rằng đến nông nổi này có lẽ mình chỉ yêu được những cô gái Thượng mà thôi, vì tôi nghe nói phụ nữ miền Thượng bao giờ cũng rất giản dị và chân thành. Do những lẽ đó, ngày lên miền núi tôi vẫn ao ước gặp gỡ một cô gái Thượng thật đẹp để mà có dịp báo thù gián tiếp các cô miền xuôi, nhưng hình như tôi lên chốn núi rừng không nhằm mục đích đi tìm đàn bà, cho nên tháng ngày trôi qua tôi chỉ gặp toàn một thứ đàn ông. Thỉnh thoảng có gặp một ít thú dữ.

Đến khi được biết sẽ lên nghỉ ngơi nhiều ngày tại mạn Đông Đường và các cô gái miền này thường cuôi-ba-dùm - nghĩa là ngủ thân ái với người khách lạ - thì tôi bắt đầu nhận thấy núi rừng không phải chỉ là vắt sên hút máu, đèo dốc cheo leo, thác nước ồ ạt tuôn đi không kể tháng ngày.

Lên đường lần này tôi đã tỏ ra hết sức hăng hái, y như một người đeo đuổi trước mắt lý tưởng cao siêu. Nhưng đến cái dốc thứ chín, thì tôi cảm thấy rõ rệt, qua cặp đầu gối, rằng mỗi một món tình yêu chưa đủ khuyến khích con người. Tới lúc bước vào cái buôn đầu tiên, gặp hai cô gái đã già ngồi bên suối nước, pho cặp vú sệ gần chấm cái váy cụt ngắn nhạt màu, gương mặt đục lờ nheo nheo nhìn tôi rồi nở nụ cười ngây ngô giới thiệu cả hai hàm răng đã cả mòn nhẵn thì tôi ngơ ngác, và loay hoay mãi vẫn không nhớ thẳng gốc nào đã từng mơ ước kết duyên với cô gái Thượng.

Chúng tôi hạ trại dưới chân một ngọn núi lớn, cạnh con sông nhỏ nước chảy lờ đờ, luôn luôn chòn vờn những bãi muối rừng. Ở lưng chừng núi là một cái buôn khá lớn, điểm

những những nét vàng lố chỗ giữa nền xanh sẫm. Mỗi sáng, mỗi chiều, khói lam vươn ra từ các đỉnh nóc, quện trên sườn cao, rồi tan chìm trong sương mờ, y như những nỗi mơ mộng của tâm hồn tôi xóa nhòa trong một ý sâu ngan ngát dâng lên từ khắp núi rừng.

Một chiều, tôi đang lặn lội tìm nguồn một dòng suối nhỏ, chợt nghe tiếng hát vang lên ở giữa rừng sâu. Tôi không biết được câu hát nói gì, nhưng giọng mềm dẻo, thảnh thỏng ngợ ngừng ngắt quãng, thu hút lấy tôi như chất nhựa cây chập vào một chiếc lá khô. Dần dần tôi quên nguồn suối đi tìm và bước lạc vào một vùng khác lạ có nhiều mô đá cheo leo rải rác dưới chân dốc núi. Khi gặp tiếng hát thì tôi sững sốt đứng lại. Một cô gái Thượng đang ngồi rửa rau bên một vũng suối. Không biết có người đến gần, cô vẫn say sưa ngời hát, đầu cúi thấp xuống soi mình dưới nước, lắc lư nhẹ nhàng, hòa nhịp với bàn tay đang chao qua chao lại từng mớ rau rừng. Tôi ngồi bên này dòng suối, gần như đối diện với cô, yên lặng rất lâu như thế để quan sát một hiện tượng chưa từng bắt gặp ở trong đời tôi từ trước đến giờ. Cô nàng bé nhỏ, da ngăm ngăm đen, vóc người tròn trịa, gọn gàng trong một tấm *đồ* và chiếc *cà tiu* xanh đậm, có một vẻ đẹp hết sức ... núi rừng. Lời hát hình như ứng khẩu tuôn ra do nỗi dào dạt từ trong đáy lòng, theo một khuôn khổ âm điệu có sẵn tự bao nhiêu đời, nên nghe miên man tưởng không bao giờ dứt được. Tôi đã từng nghe nhiều cô người kinh ca hát. Nhưng hoặc con người không hòa hợp với bài hát, hoặc là bài hát không hòa hợp với khung cảnh, và hoặc người hát không giữ được vẻ tự nhiên khiến trong khi nghe, ta có cảm tưởng chứng kiến một sự trình diễn rời rạc về con người ấy còn những bài hát chỉ là cái có phụ thuộc. Ở đây, cây rừng, nước suối, gió ngàn và người con gái, và cả tiếng hát đều là một sự hòa điệu thâm trầm. Tôi có cảm giác đứng trước lời ca từ thuở tinh khôi, một sự thổ lộ của núi của rừng như phát tiết ra từ trong hốc đá, khe sâu, từ trong lòng đất menh mông thăm thẳm... Tôi ngồi lặng yên, cặp mắt mờ dần bóng hình cô gái để cho thính giác đưa về một cõi hoang vu chập chờn sắc màu man rợ, giữa một không khí u uất lá già ủ mục ngàn năm. Rồi những tiếng chim lạ lừng cất lên, dòng thác ồn ào tuôn xuống, tiếng còng, tiếng mõ, tiếng chiêng từ đâu bùng dậy, le lói ánh hồng bếp lửa rừng khuya ...

Đột nhiên tiếng hát ngừng lại, cả cái sinh hoạt bao la của chốn núi rừng như chìm hẳn xuống hố sâu. Cô gái chợt trông thấy tôi, ngừng tay khuấy nước, cặp mắt bỗng sáng long lanh. Cô hỏi vọng sang :

- Làm gì thế ?

Tôi cười trả lời :

- Ngồi nghe núi rừng ca hát.

Cô hơi ngẩng lên, ngậy nhìn giây lát, có vẻ không hiểu tôi muốn nói gì. Rồi cô mỉm cười, cúi xuống quờ tay chao mớ rau rừng, dường như đã quên cả người đang ngồi trước mặt. Xong việc, cô đứng lên, tay xách giỏ rau thoăn thoắt leo lên dốc đá, về buôn. Tôi im lặng đi theo sau một quãng khá dài, rồi dừng bước lại, băng khuôn tự hỏi đi đâu ?

Từ đấy bóng hình người con gái Thượng luôn luôn ám ảnh lấy hồn tôi. Những giấc mơ đã chết tiệt ngày nào bây giờ dần dần sống lại. Tôi tin tưởng rằng một dịp nào đó tôi sẽ gặp người con gái trên buôn, và tôi sẽ ngủ thân ái một đêm với nàng.

Tôi vốn không quen phân tích tâm tư để hiểu vì sao tôi lại khát khao mãnh liệt như thế. Chắc rằng ngoài lòng ham muốn cuồng nhiệt và sự tò mò của tuổi thanh niên, tôi còn bị người lớn tuổi đầu độc bằng cái quan niệm phổ biến cho rằng trình độ từng trải về một nơi nào phải được chứng minh bằng sự tiếp xúc với người đàn bà bản thổ. Đối với số hạng người này, hình như linh hồn của một dân tộc bao giờ cũng bị kẹp trong đôi vế đàn bà. Nếu chưa thật sự mở được quyển sách hai trang ấy ra, thì dù quan sát bao nhiêu thắng cảnh, ngâm đọc bao nhiêu tác phẩm địa phương, cũng vẫn chưa am hiểu gì về địa phương ấy. Do đó, tôi cứ ngại rằng ngày sau, khi về đồng nội nói chuyện đường rừng, lỡ ai sốt sắng hỏi tôi đàn bà miền Thượng thế nào thì chắc tôi sẽ xấu hổ mà ấp úng rằng không biết. Cái ý định ấy càng ngày càng nung nấu ở trong tôi đến một cường độ không sao tả được. Tôi không bao giờ tự hỏi ý định như thế, nếu thực hiện được, sẽ gây tác hại thế nào. Sức mạnh tinh thần của đồng bào Thượng là lòng tin tưởng phong tục. Đồng bào miền Thượng bám vào phong tục như những dây leo bám lấy thân cành, như loài hổ dữ nung vào hang đá. Tôi há chẳng biết kẻ nào xúc phạm tập tục miền rừng là phải chuốc lấy oán hờn trọn kiếp đó sao ? Tôi chẳng đã học từng phong tục một như học hỏi từng ngón võ hộ thân trong rừng phong tục um tùm chằng chịt của đồng bào Thượng đó sao ? Cái gì đối với đồng bào miền Thượng cũng có thể thành cấm kỵ thiêng liêng : một nhánh lá tươi cắm ở đầu buôn trong mùa gặt hái còn có giá trị ngăn cản hơn ngàn lớp cửa gài bằng khóa sắt; một cái xoa nhẹ thân yêu trên đầu đứa bé có thể coi như xúc phạm bàn thờ và làm bật lên bao nhiêu tia mắt thù hằn; một thân cây lụi dùng làm gậy chống trên đường, một chút quế thơm phòng vệ những khi bệnh hoạn, lỡ mang vào tận trong nhà thì chẳng khác gì đã dẫn theo loài ma quỷ, khuấy lên bao nhiêu nét mặt căm hờn...

Tôi đã nghĩ nhiều về điều ấy qua khá nhiều đêm thức ngủ chập chờn. Nhưng lòng nhiệt nòng của tuổi thanh niên khiến tôi hoài nghi phong tục có thể cưỡng lại ý thức tò mò lòng trong sức mạnh dục tình. Từ đây tôi cố học tập tiếng nói đường rừng. Không biết những người đeo đuổi lý tưởng cao siêu khi học tiếng người thì phải chăm chỉ ra sao, chứ tôi vì chút mục đích xin ngủ một đêm mà đã hết lòng ra công đèn sách. Bạn hữu không biết thâm ý của tôi, đều khen tôi có ý thức "nghiên cứu văn hóa miền Thượng". Còn tôi, tuy đã tự hiểu rõ ràng, tôi vẫn cho rằng mình đang chuẩn bị "tham khảo giá trị nhân bản ở trong phong tục của các chủng tộc đồng bào..."

Nhiều lần, nhân dịp anh em lên tiếp xúc trên buôn, tôi muốn đi theo để mong gặp lại cô gái hôm nào, nhưng vẫn không sao đi được, vì bận nhiều công việc khác. Thế rồi, y như mọi lòng ham muốn và mọi đợi chờ trên cõi đời này đều cũng có dịp toại nguyện, một hôm, vào độ cuối năm, chúng tôi được lệnh lên buôn tổ chức đêm vui.

Buôn trông gần gũi nhưng khi đến nơi thì trời tối mịt, mặc dù tôi đã khuyến khích mọi người lên sớm để cho "đồng bào" khỏi phải nhọc lòng chờ đợi.

Một số anh em liên lạc đã lên từ trưa bố trí công việc. Toàn buôn nhóm họp đông đủ chung quanh một đồng lửa to bốc cháy ngùn ngụt giữa vạt đất lể, chiếu sáng một vùng rộng lớn, soi rõ khuôn mặt từng người. Trong khi anh em xếp đặt các màn ca kịch thì tôi len lỏi đi tìm con người bên suối hôm xưa. Khuôn mặt tròn trịa thơ ngây của nàng nổi bật giữa các cô gái nên tôi không phải mất công lùng kiếm. Tôi lại gần nàng, nhìn nàng một phút, cố tình cho nàng có đủ thì giờ để nhận ra tôi. Thấy nàng cứ mãi ngáy nhìn, tôi hỏi :

- Có nhớ tôi không ?

Nàng bỗng mỉm cười, gật đầu. Nhưng cặp mắt nàng vẫn cứ giương nhìn, tỏ vẻ không hiểu. Tôi bèn hỏi tiếp :

- Xin hỏi... tên là gì à?

Nàng cười :

- Y-Sao...

- Y-Sao ! Tên hay quá há !

Tôi đứng yên, loay hoay lục lọi trong óc tìm những tiếng gì thích hợp để ghép thành câu nói chuyện cùng nàng. Nhưng một hồi chiêm vang lên. Đêm vui bắt đầu. Suốt mấy giờ liền tôi vẫn không quên thỉnh thoảng đưa mắt tìm nàng và thấy nàng vẫn ngồi y một chỗ, vẫn cười hồn nhiên, long lanh cặp mắt ngồi trong ánh lửa. Tôi cố đóng trọn vai trò của mình, lòng không được vui vì nôn nao sợ những gì toan tính từ lâu đêm nay không thực hiện được. Đến khi mãn cuộc, ngọn lửa đã tàn chỉ còn tro lại một đồng than hồng to lớn. Thay vội quần áo, tôi chạy đi tìm Y-Sao. Nàng cùng một số chị em xúm xít bên lửa, tíu ta tíu tít đun nước, nướng bắp. Ánh than hồng hực tỏa sáng lên người các cô gái Thượng mướt đầm mồ hôi, trông có vẻ gì cổ quái lạ lùng. Y-Sao nhanh nhẹn bỏ bắp trên lớp than hồng trải rộng và nàng dùng tay thoăn thoắt lật trở nhíp nhàng từng trái, gan lì thành thạo một cách khác thường. Tôi lại gần nàng, kêu lên :

- Y-Sao ! Dừng cây gấp chứ. Nóng tay lắm kìa !

Nàng ngẩng lên cười rồi lại cúi xuống rất nhanh, tiếp tục công việc và đáp :

- Không có nóng đâu.

Muốn chứng thực thêm lời nói của mình, lần này nàng dùng tay lại rất lâu trên từng trái bắp, trước khi lật trở cho nó chín đều. Rồi nàng chồm sang bên cạnh, đưa hai tay nhỏ nhắn của mình nhắc lấy nồi nước đang sôi sùng sục trên một bếp lửa ngùn ngụt, đặt xuống một bên, rồi lại đặt lên như cũ, giữa những lưỡi lửa dữ dằn như nuốt tay nàng. Tôi kinh ngạc đứng yên tưởng mình chứng kiến những trò biến hóa của bà phù thủy. Cuối cùng tôi lại buồn rầu nghĩ rằng da thịt chai lì như vậy phỏng nàng còn biết xúc cảm là gì !

Lát sau, tôi tự trách mình đã quá lo xa và lại vui vẻ ngồi xuống bên nàng :

- Y-Sao !

- Gì à ?

- Xem kịch thế nào ?

- Hay lắm.

- Thế ai hay hơn hết đây ?

- Ai cũng hay cả .

- À ...

Tôi lại ngồi im, không biết mình phải nhập đề thế nào. Sau cùng tôi hỏi một cách lúng túng :

- Y-Sao này ...

- Gì á ?

- Nướng bắp để làm gì thế ?

- Để ăn ...

- Cho tôi ăn nhé ?

- Ủ, cho các anh ăn.

- Nhưng cho tôi thật nhiều nhé ?

- Ủ, đói thì ăn nhiều. Có đói lắm không?

- Đói lắm, nhưng này ...

- Gì à ?

- Tôi mến Y-Sao lắm lắm.

Nàng cười vui vẻ :

- Y-Sao cũng mến các anh lắm lắm.

Con đang gần đến, nếu dừng bước lại thì hóa xa xôi, tôi bèn đánh bạo nói tiếp:

- Đêm nay tôi ngủ nhà Y-Sao nhé ?

Y-Sao gật đầu.

- Cuôi-ba-dùm nhé ?

Y-Sao lại gật, mỉm cười tự nhiên, cúi xuống nướng bắp.

Thế là nàng chịu, *cuôi ba-dùm moi măn* (1) với tôi rồi ! Không ngờ câu chuyện dễ dàng như vậy. Nhiều khi ta chạy hàng chục vòng tròn vô ích chung quanh chỗ ngồi dọn sẵn từ lâu.

Suốt buổi tiệc bắp vui vẻ thân mật, tôi làm bộ điệu rất là uể oải, đợi khi giải tán ra về tôi bèn báo cáo trong người khó ở xin được ngủ laiï trên buồn. Anh em ai cũng ân cần khuyên tôi ngủ lại để mà giữ gìn sức khỏe. Có người cho rằng tôi vốn nhiệt tâm đối với văn hóa miền Thượng, ngủ lại một đêm cũng là dịp tốt để mà nâng cao trình độ ít nhiều.

Nằm bên bếp lửa chờ đợi Y-Sao, tôi đã cẩn thận bôi vào trên mũi nhiều dầu cù-là, nghĩ rằng mỗi dân tộc đều có mùi riêng mà chỉ tiếp xúc vội vàng về mặt vật chất không đủ tạo nên hòa hợp dễ dàng. Một lát, Y-Sao từ một gian nhà bên cạnh bước ra, miệng nở nụ cười tươi vui khác thường. Nàng đã thay chiếc cà-tiu mới tinh còn hơi nồng mùi lá nhuộm, và mặc một tấm áo chên may rất đơn giản bằng thứ vải thô điểm những sọc chỉ xanh đỏ còn tươi nguyên màu, chùng đó là áo dùm trong dịp lễ. Nàng trải xuống sàn ghép bằng những ống lồ-ô đập dẹp một tấm chiếu dày dệt bằng các thứ dây sợi lấy trong các vỏ cây rừng và bảo tôi nằm. Xong, nàng nhẹ nhàng nâng đầu tôi lên kê vào một chiếc gối mây thắt rất công phu. Tôi nằm yên, ngoan ngoãn, mặc nàng sắp xếp, y như đứa bé nghe theo lời chị. Nhưng khi nàng lấy một tấm đồ rộng còn mới phủ lên mình tôi, thì tôi kêu lên :

- Y-Sao ngủ với tôi chứ ?

Nàng cười, gật đầu.

- Thế tôi không thích đắp đâu.

- Khuya lạnh lắm mà. Đắp đi. Đắp đi.

Nàng nói dịu dàng, có vẻ như lời nài nỉ.

Tôi đáp :

- Ngủ với Y-Sao, tôi không thấy lạnh.

Rồi tôi gỡ tấm đồ ra.

Nàng lại ôn tồn :

- Đắp đi.

Rồi nàng kéo đồ đắp lại cho tôi.

- Y-Sao chưa đi ngủ à ?

- Ngủ chứ, ngủ chứ. Có đói cái bụng không đây ?

- Không đói. Không đói. Chỉ ưng ngủ với Y-Sao thôi mà.

Có khát nước không ?

- Không khát. Không khát. Chỉ ưng ngủ với Y-Sao đó thôi.

- Hút thuốc lá chứ ?

- Hút thuốc không thích bằng nằm ngủ với Y-Sao.

Những ngày sống giữa núi rừng tôi đã tìm thấy trong cái thú *tút xà reo* (2) một nguồn an ủi lớn lao. Đó là lãng quên, vừa là tưởng nhớ, đó là ít nhiều hơi ấm trong cảnh lạnh lùng,

ít nhiều khuấy động giữa chốn vắng vẻ... nhưng bây giờ đây khói thuốc làm sao quyến rũ được tôi ?

Y-Sao loay hoay sửa soạn bếp lửa. Nàng tém gọn lại rồi rút một mớ củi khô thêm vào cho lửa sáng hồng rực rỡ hơn lên. Hình ảnh bếp lửa chính là hình ảnh của mối nhiệt tình nung nấu trong tôi.

Bây giờ, có lẽ đêm đã về khuya. Qua khung cửa hẹp tôi thấy bên ngoài tối đen dày đặc mênh mông, thỉnh thoảng lập loè điểm sáng của bầy đom-đóm. Tôi tưởng nghe trong yên lặng âm thầm núi rừng xao xuyến chỗi dậy gom góp muôn ngàn sinh lực biến đổi sự sống để cho ngày mai dưới ánh mặt trời muôn cảnh thêm lá tươi, non, muôn vật thêm màu lông mới.

Gia đình Y-Sao có lẽ ngủ yên từ lâu. Ban nãy, khi nàng chưa đến, tôi thấy hai người hiện ra ở phía cuối nhà, một bà cụ già, một người trai trẻ ý hẳn là mẹ và anh của nàng - cả hai nhìn tôi gật chào, cười rất thân mật rồi biến mất sau tấm liếp.

Tôi muốn bảo với Y-Sao hát cho tôi nghe, như tôi đã từng được nghe nàng hát hôm nào, để cho đêm vui thực sự hoàn toàn. Nhưng biết rõ mình không đủ bình tĩnh chờ đợi bất cứ một sự kéo dài nào nữa, tôi hối thúc nàng:

- Khuya rồi, Y-Sao !

Y-Sao gật đầu :

- Ừ, khuya rồi. Ngủ đi.

Và nàng nhanh nhẹn nằm xuống bên tôi.

Bây giờ tôi chỉ còn nghe quả tim của tôi liên hồi đập trong lồng ngực và hơi thở tôi gấp rút, nặng nề. Đầu óc vẫn vù những mớ cảm giác rối loạn, tôi không biết rõ mình đang nghĩ ngợi những gì. Tôi thoáng nhớ lại những quyển tiểu thuyết mô tả tâm trạng của người đàn ông khi nằm cạnh người đàn bà và tôi nhận thấy không có quyển nào nói đúng tâm trạng của tôi lúc này.

Từ khi Y-Sao nằm xuống bên cạnh thì tôi bàng hoàng nằm yên giây lâu, không chút cử động. Sau cùng, định thần trở lại, tôi mới thấy rõ cái vẻ kỳ dị của việc tôi làm. Nhưng tôi nhớ lại tất cả công trình nghiên cứu, tổ chức, vận động của tôi lâu nay không phải để được nằm yên bên cạnh một cô gái Thượng. Nếu chỉ có thế thì tôi nên lựa bất cứ một khúc gỗ nào thật tốt ngoài rừng đem về ôm ngủ có lẽ yên ổn hơn nhiều !

Tôi bèn bỏ tay qua người Y-Sao, kéo nhẹ cho nàng xích lại thêm gần:

- Y-Sao ...

- Gì à ?

- Tôi thương Y-Sao nhiều lắm.

- Y-Sao cũng thương các anh nhiều lắm.

- Sao lại các anh ? Nhiều thế ?

Y-Sao vẫn đáp nhẹ nhàng :

- Ủ, nhiều lắm.

- Y-Sao chẳng hiểu gì cả ! Tôi bảo Y-Sao ... chỉ thương lấy một mình tôi.

Y-Sao giương mắt ngạc nhiên :

- Sao thế ?

Tôi làm thính, không biết trả lời cách nào cho Y-Sao hiểu tình yêu là sự ích kỷ riêng của hai người. Nhưng tôi chợt nghĩ giữa tôi và nàng chưa hề có gì để chứng tỏ là tình yêu thì làm sao nói cho nàng hiểu được những điều đơn giản mà phức tạp ấy ? Và lại tôi không thông thạo tiếng nói của nàng, trình bày những điều khuất khúc tâm tình là việc khó khăn. Mới biết học nhiều ở trường mà thiếu một môn tiếng Thượng cũng có hại thực. Sau cùng, bắt chước ông bà từ đời thái cổ, tôi dùng bàn tay thông ngôn tình ý của mình.

Bắt đầu tôi thử vuốt ve đôi má Y-Sao. Y-Sao mỉm cười hết sức dịu dàng. Tôi hạ lần tay đặt trên ngực nàng. Tôi nghe tim nàng đập mạnh, người nàng tỏa ra hơi nóng khác thường. Khi bàn tay tôi không còn giữ đúng lễ độ con người bình tĩnh thì bị Y-Sao nắm chặt, và nàng kêu trong hơi thở:

- Dừng thế !

Rồi nàng kéo tay tôi xuống, đặt nó cẩn thận ở trên mình tôi và còn giữ chặt như thế rất lâu, ý muốn tập luyện cho nó chịu quen tình thân kỷ luật. Sau cùng nàng bảo :

- Ngủ đi .

Thở dài, tôi đáp :

- Không ngủ được đâu.

- Sao thế ?

- Nằm bên Y-Sao, tôi ngủ không được.

Nàng nhìn tôi, sửng sốt :

- Thế à ?

- Thực đấy.

Nàng chỗi ngay dậy, có vẻ hơi buồn :

- Y-Sao đi ngủ chỗ khác.

Tôi kéo nàng lại:

- Y-Sao đi ngủ chỗ khác thì tôi càng không ngủ được.

- Chẳng hiểu.

- Gì mà chẳng hiểu ? Y-Sao hãy nằm xuống đi.

Y-Sao ngoan ngoãn nằm xuống. Tôi vuốt má nàng.

- Thương Y-Sao lắm.

- Y-Sao thương các anh lắm.

- Cứ thế ! Không thương tôi à ?

- Thương chứ. Thương nhiều lắm đây.

- Y-Sao làm vợ tôi đêm nay nhé ?

- Chẳng hiểu.

Tôi ghĩ : "Trời ơi ! Gì mà chẳng hiểu, chẳng hiểu ! Ngốc đến thế này thì thôi!" Và bèn đổi giọng nài nỉ :

- Tôi mở cái cà-tiu nhé ?

- Đừng !

- Không cho thì tôi chết đây.

- Chẳng có chết đâu.

- Ghét Y-Sao lắm.

Y-Sao không nói. Mặt nàng động lại trong dáng trầm ngâm khó hiểu. Thấy dùng văn hóa chẳng ăn thua gì, tôi quyết định dùng quân sự. Tôi vỗ về nàng, rồi thừa dịp nắm cà-tiu của nàng và giăng mạnh xuống.

Lập tức, người đàn bà co lại như bị một sức điện truyền và nàng xô mạnh người tôi, kêu lên hốt hoảng :

- Không được !

Tôi chồm người tới, cố gắng kéo nàng lại gần, nhưng nàng đã ngồi ngay dậy, xếp hai đùi lại và co hai tay trong một tư thế phòng vệ. Trong ánh lửa đêm, tôi thấy mắt nàng long lên sòng sọc, miệng nàng mím chặt, cương quyết lạ lùng.

Những ý nồng nhiệt trong tôi phút chốc đã tiêu tan hết. Nhưng lòng tự ái vội vàng thế vào chỗ trống, khuyến khích đừng nên bỏ cuộc. Tôi liền sấn lại ôm choàng lấy nàng, siết chặt trong đôi cánh tay hung hãn cố làm ra vẻ tha thiết yêu đương. Để trợ lực sự chiếm đoạt, tôi bèn phát triển ý thức tò mò bằng cách khuyên mình cố gắng đến cùng để đo xem sức phản ứng của cô gái Thượng có thể chịu đựng đến mức độ nào mới phải đầu hàng. Hình như một thứ mặc cảm tự tôn của kẻ sống ở miền xuôi tự hào văn minh hơn

dân rừng rú đã củng cố thêm cho tôi ôm chặt lấy nàng. Y-Sao chuyển hết sức mình cố đẩy tôi ra một cách tuyệt vọng, nhưng không kêu cứu lời nào, hình như nàng phải nhận lấy trách nhiệm đối với chính nàng cho đến phút cuối. Tôi hỗn hển bảo :

- Y-Sao nghe lời tôi đi.

Nàng đáp phều phào :

- Không đâu, không đâu, không đâu ...

Nhưng nàng là người, mềm hẫng cả sức kháng cự. Tôi nắm vòng tay, đặt nàng nằm xuống, vừa toan cúi xuống mình nàng thì nhanh như con sóc rừng, Y-Sao đã lộn người lại, nhào tới phía trước. Tôi thấy nàng đứng thẳng dậy, rút vôi trên sàn chiếc áo, quỳ xuống chĩa mũi nhọn hoắt về phía ngực tôi, trợn trừng cặp mắt, nói như tiếng rít :

- Đừng bắt Y-Sao làm xấu cái buôn ... Y-Sao không quen, không biết anh đâu!

Bây giờ nàng không phải là Y-Sao dịu dàng bên suối hôm nào, cũng không phải là Y-Sao hiền lành ban tối vừa qua. Đây là Y-Sao uy nghi của cảnh núi rừng hùng vĩ, Y-Sao đồng dục của những phong tục ngàn đời giữ vững lấy sự tồn tại con người giữa lòng thiên nhiên hiểm độc. Sự chống đối của nàng không phải là sự phản ứng của một người đối với một người, mà chính là sự bênh vực của nhiều con người tập trung trong cá nhân nàng. Thấp thoáng sau nàng Y-Sao yên lặng, hung dữ như một vị thần Bảo vệ, có cả cuộc sống âm thầm dai dẳng của nhiều dân buôn, và cả màu xanh tươi thắm của rừng núi trùng điệp.

Nàng cứ ngồi yên như thế hồi lâu, sắc diện dần dần dịu lại. Tôi ngồi thẳng dậy, cố nói bình tĩnh với nàng:

- Y-Sao có giận tôi không ?

- Không có giận đâu.

- Y-Sao giận đây.

- Không giận đâu mà.

- Không phá Y-Sao nữa đâu. Ngủ với tôi, nhé ?

Rồi muốn cho nàng yên tâm, tôi quờ tay lấy que củi bẻ đôi đưa lại cho nàng :

- Tôi đã thề rồi.

Y-Sao lại nở nụ cười hiền dịu, nhẹ nhàng dựng chiếc áo nhọn nơi liếp rồi nàng ngoan ngoãn nằm xuống cạnh tôi, kéo lấy tấm đồ phủ lên người tôi. Một lát, tôi ngủ thiếp đi.

Không biết ngủ được bao lâu thì tôi nghe lạnh giật mình tỉnh giấc. Tôi thấy Y-Sao đang cúi lom khom thổi trên đồng lửa sắp tàn. Ngọn lửa từ từ sáng lại, gieo tỏa hơi ấm khắp nhà. Nàng thêm cúi vào rồi nhẹ nhàng, rón rén như sợ kinh động giấc ngủ của tôi đi lấy tấm liếp che cửa để ngăn hơi lạnh rừng khuya ồ ạt ủa vào. Xong, nàng lại rón rén, nhẹ nhàng đi lại bên tôi. Tôi vờ ngủ yên. Y-Sao sửa lại tấm đồ cho tôi, vuốt trên tóc tôi, vỗ nhẹ lưng tôi y như người mẹ, người chị săn sóc giấc ngủ cho con em mình. Cữ chỉ âu

yếm của nàng thực là vụng về nhưng rất tự nhiên làm cho lòng tôi rung rung cảm động. Rồi nàng kéo trái một mí của tấm dờ ra sàn, nằm đè người lên, vòng một tay qua ôm lấy mình tôi. Tôi nằm trong một lớp vải bọc kín, một đầu có người của nàng chèn giữ, một đầu có bàn tay nàng bó lấy. Tin ở lời thề, Y-Sao vẫn luôn luôn phòng vệ cho danh dự nàng !

Tôi nằm yên, tâm hồn trở lại bình tĩnh. Nhìn cô gái Thượng xinh xắn đang nằm bên tôi, nhỏ bé hơn tôi rất nhiều nhưng cố áp ủ lấy tôi bằng một tấm lòng bộ lạc rộng lớn, tự nhiên tôi thấy xấu hổ. Sự hối hận này của tôi chẳng tốt đẹp gì, đây chỉ là sự phản ứng để hồng vót vát thể giá sau khi thất bại, một cách che đậy những sự tầm thường trơ trẽn của mình. Nhưng tôi thấy mình trong giây phút này vẫn còn hiểu được phần nào Y-Sao là cả một sự an ủi. Bây giờ Y-Sao là hiện thân sự chiến thắng của phong tục đối với bản năng, hiện thân sức mạnh giáo hóa tập thể đối với sức mạnh hoành hành của con người ích kỷ. Trong khi tôi ép Y-Sao phải chịu theo sự thỏa mãn nhất thời và cố vẽ vờ gọi là thương yêu thì Y-Sao vẫn cương quyết bảo vệ lấy danh dự nàng. Và nàng "chẳng hiểu" không phải là nàng ngu ngốc ! Bởi vì bấy nhiêu tôi xem chẳng có nghĩa gì, chỉ là một sự tò mò khoắc ở trên mình bộ lông da thú - nhưng đối với nàng lại là tất cả, là danh dự, là cuộc đời, là nếp sống tinh thần, là tập quán cổ truyền.

Một lát, Y-Sao chừng đã ngủ say, nhưng nàng vẫn còn ôm giữ lấy tôi, cánh tay vừa nói lên ý che chở, vừa nói lên sự đề phòng. Đợi cho hơi thở của nàng trở lại điều hòa, tôi khẽ trở mình gỡ nhẹ tay nàng, cẩn thận lật ngược mảnh dờ mà tôi đang đắp phủ lên mình nàng. Y-Sao nằm gọn ở trong tấm vải. Tôi bỏ tay qua, ôm trở lại nàng, như ôm núi rừng bao la cô đọng trong một thân xác nhỏ bé, và thấy rõ rệt từ trong đáy lòng nỗi niềm vui sướng của người yêu mến núi rừng, yêu mến vì có niềm tin ...

Khi tôi thức giấc thì trên người tôi lại phủ tấm dờ và ở bên mình không thấy Y-Sao. Bên ngoài trời đã sáng rõ. Có lẽ nàng đi xuống suối lấy nước. Tôi vội ngồi dậy, gỡ liếp che cửa. Ánh sáng ủa vào tung bùng. Núi rừng ngồn ngộn khoe khoang sắc lá tươi non, chim chóc phô màu lông mới trong buổi bình minh dạt dào sức sống của một khung cảnh thiên nhiên vĩ đại.

Một thời gian sau, chúng tôi được lệnh lên đường. Anh em rủ nhau lên buôn từ già đồng bào. Chúng tôi tìm đến Y-Sao, gặp nàng đang giã gạo ở cuối nhà. Thấy chúng tôi, nàng buông chày, chạy ra mừng rỡ kêu lên :

- Đến rồi !

Tôi gọi :

- Y-Sao ơi !

- Gì à ?

- Tối nay tôi ngủ lại nhé ?

- Ừ, ngủ lại buôn đi.

- Y-Sao cuôi ba dùm với tôi một đêm nữa nhé ?

- Ủ, một đêm nữa đấy.

- Cuôi ba dùm ba đêm, năm đêm, nhiều đêm nữa nhé ?

- Ủ, ba đêm, năm đêm, nhiều đêm nữa đấy.

Nàng gật đầu lia lịa trả lời, vừa nhoẻn miệng cười rất vui.

- Y-Sao ơi !

- Gì à ...

- Cám ơn Y-Sao, chúng tôi nói đùa đấy mà. Hôm nay chúng tôi lên chào đồng bào, lên chào Y-Sao, sắp sửa đi rồi ...

Nàng như kêu lên :

- Đi à ?

Rồi nàng đứng yên như thế rất lâu.

- Y-Sao ở lại cho mạnh giỏi nhé !

Y-Sao ngập ngừng :

- Bao giờ các anh về lại cái buôn ?

— Không biết bao giờ, không biết bao giờ, Y-Sao à ... Nhưng chúng tôi không quên đồng bào, không quên Y-Sao, không quên cái rừng cái núi của chúng ta đâu.

- Y-Sao nhớ hết các anh, nhớ lắm lắm mà.

Khi rời khỏi buôn, chúng tôi gặp nàng đứng đợi ở lưng chừng dốc. Tôi nắm tay nàng :

- Đi nhé, Y-Sao !

Nàng gật đầu, nhoẻn cười, nhưng trên đôi mi long lanh những giọt nước mắt. Nụ cười và giọt lệ, đó là tấm lòng đưa tiễn của Y-Sao.

Vũ Hạnh
(Chất Ngọc - Cảo thơm 1964)

(1) Cuôi ba dùm moi măn : ngủ thân ái một đêm

(2) Tút xà reo : hút thuốc

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Hàn Thủy

Để tưởng nhớ Bùi Mộng Hùng

*Trông mặt mà bắt hình dong
Con lợn có béo thì lòng mới ngon
Tục ngữ*

Sinh học là môn học về sự sống, muôn màu muôn vẻ. Tin học nói chung chỉ biết có số không và số một, không có gì khô khan hơn. Hiện nay đại đa số những người làm tin học không biết gì đến sinh học, và đa số người làm sinh học cũng chỉ dùng máy tính như một dụng cụ để viết bài hay tính toán.

Thế nhưng chỉ cần lật xem những tạp chí phổ biến khoa học trong thời gian vừa qua cũng thấy không hiếm những thông tin hay bài báo nói về những khảo cứu vận dụng cả hai ngành khoa học - công nghệ nói trên. Thí dụ một số tựa như : "*Sự thành hình ngành y khoa xi-be*", L'avènement de la cybermédecine, La Recherche, tháng 2.2000 ; "*Phải chăng ngày mai sẽ có loài vật nhân tạo ?*", Les animaux artificiels sont-ils pour demain ?, La Recherche, tháng 10.1998 ; "*Từ Sinh học tới Tin học*", De la Biologie à l'Informatique, La Recherche, tháng 2.1999 ; "*Tính toán bằng ADN*", Calculer avec l'ADN, Pour la Science, tháng 10.1998 ; vân vân, không thể kể hết. Người ta luôn luôn gặp những thuật ngữ mới (vì mới quá, xin phép không dịch vì đây là công việc mà ngay những người trong nghề cũng phải bàn cãi cẩn thận), như *Biopuce*, *Biocomputer*, Pilule électronique, Algorithme génétique, mạng noron... cũng không thể kể hết.

Vậy chuyện gì đang và sẽ xảy ra ? Tầm quan trọng và ảnh hưởng của nó tới đâu ?

Phần 1 : đôi điều khẳng định

Tin học và sinh học là hai khoa học - công nghệ đang đảo lộn sinh hoạt kinh tế, xã hội, sức khỏe, văn hoá, của con người. Ngày nay điều này đã hiển nhiên. Hai hành tinh lớn này di chuyển trên những quỹ đạo độc lập cho tới những năm gần đây, nhưng những dấu hiệu nêu trên cho thấy chúng sẽ va chạm. Hậu quả ra sao, một vùng cát bụi mịt mờ, hay sẽ bắn ra một tinh thể mới tròn trặn và đẹp như trăng rằm ? Đó còn là chuyện tương lai khó mà đoán trước, nhưng dù sao cũng sẽ là một hiện tượng rất cần để ý.

Xin mở ngoặc để nói về tựa đề bài này : đặt tên *Đầu thế kỷ 21...* vì có lẽ hiện nay không ai dám nói chuyện tiến bộ khoa học của cả thế kỷ tới ! Hình như những nhà khoa học đang sống vượt quá số tất cả những người làm khoa học đã khuất của nhân loại từ thiên cổ. Thế mà năm mươi năm trước đây thôi, có ai tưởng tượng thế giới ngày nay nó lại như thế này đâu. Thôi thì cứ cho là dự phóng được trong tầm thập kỷ, và ngay trong tầm nhìn đó cũng xin phỏng theo một tác giả của Diễn Đàn : có *đôi điều khẳng định và có đôi điều có lẽ*. Kỳ này xin thông tin và có vài suy nghĩ về đôi điều... có lẽ khẳng định, và xin để một lần khác bàn về những điều có lẽ... có lẽ. Vì những điều có lẽ đó sẽ không ngoài giấc mơ cướp quyền tạo hóa, đã có từ thế kỷ ánh sáng, và vẫn còn gây nhiều bàn cãi triết học cũng như tôn giáo. Vậy xin trở lại những tiến bộ đã manh nha, và có thể tới trong tương lai không xa lắm, kết quả của đám cưới Sinh học - Tin học. Vâng, và sẽ thừa tại sao có con lợn béo dẫn cưới ở trên.

1. Một quan hệ lâu đời

Phải nói ngay, đám cưới này có nhiều thế gia vọng tộc đỡ đầu, thí dụ như Jacques Monod, giải Nobel về sinh học, trong tác phẩm nổi tiếng "*Le hasard et la nécessité*" từ năm 1970 đã dành cả một chương bàn về "vi điều khiển học" (cybernétique microscopique) ; ngược lại thì điều khiển học do bác học Mỹ Norbert Wiener đề xướng từ sau thế chiến thứ hai cũng bắt nguồn từ quan sát các hành vi của sinh vật. Những khái niệm cơ bản của điều khiển học hiện đã nằm sâu trong tin học, và thuật ngữ điều khiển học ít được dùng nữa, ngoại trừ việc nó trở lại trong thuật ngữ "*không gian điều khiển*" (đọc trong một tài liệu

chính thức của Việt Nam để dịch chữ *cyberspace*, trên mặt báo này đã có lần viết "*không gian xibe*"). Vậy sinh học và tin học đã có quan hệ từ lâu đời, nhưng ngày nay càng thiết thiết hơn. Theo Joel de Rosnay, một bác học nổi tiếng khác của Pháp thì một trong ba hội tụ về khoa học - công nghệ của đầu thế kỷ 21 là hội tụ giữa sinh học và tin học. Hai sự hội tụ kia thì một là giữa tin học, viễn thông, truyền thông và đa media ; và một là hội tụ giữa môi trường học và kỹ nghệ (Science et Vie, tháng 12.1999).

Hy vọng Hoàng tử và Công chúa sẽ sống hạnh phúc lâu dài, mà không bị lời nguyên từ một phù thủy ác độc nào đó. Trong truyện cổ tích người ta thường vẽ phù thủy xấu xa dị hợm, nhưng đây là cho trẻ con thôi, chứ phù thủy thiếu gì phép thuật để tự cho mình bộ mặt đẹp đẽ. Hãy cảnh giác, phù thủy và nàng tiên rất giống nhau. Với khoa học, khả năng đem lại hạnh phúc cho con người càng lớn thì sức tàn phá càng ghê gớm. Thôi, câu chuyện đó ta sẽ bàn với nhau quanh lửa hồng, một đêm trời đầy sao. Bây giờ cứ cho là cặp này có hạnh phúc dài lâu đi, và sẽ được (ít nhất) hai người con, đó là : khoa học về bộ não và di truyền học. Nếu không vì quá dài dòng có thể thêm công nghệ rôbốt, trong đó tin học mới chỉ mô phỏng sinh học một cách thô lỗ.

Nhưng trước hãy xem những quả cưới của hai họ : sinh học đem lại gì cho tin học, và tin học đem lại gì cho sinh học ?

2. Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo thì lòng mới ngon. Hai con lợn béo tốt như nhau thì bộ đồ lòng cũng ngon như nhau. Ngẫm nghĩ câu tục ngữ này mà tán thêm như thế thì hoá ra đây không phải chỉ là một quy luật về loài lợn, nó là một ý tưởng cơ bản trong phương pháp luận của những nghiên cứu tin học, như *trí tuệ nhân tạo*, *robot*, *mạng neuron*. Đó là việc thành lập những mô hình, và điều chỉnh sao cho quan hệ giữa đầu vào và đầu ra giống như hiện thực.

- Kia một con lợn béo tốt, muốn hiểu biết bên trong nó phải làm sao ?

- Thì hãy cố gắng chế tạo một con lợn cũng béo tốt !

Bên ngoài giống nhau thì bên trong chắc cũng có gì giống. Đi đến cùng ta có trắc nghiệm Turing : đối thoại với một máy tính mà không phân biệt được với người thì phải công nhận là máy tính có trí năng.

Có thể phản biện lại rằng " Hai hộp đen có đầu vào và đầu ra hoàn toàn giống nhau, rất có thể bên trong được chế tạo bằng những nguyên tắc và giải thuật hoàn toàn khác nhau ". Đúng vậy, và người ta có thể thực hiện cụ thể những thí dụ như thế, tuy không dễ. Và hành vi " trông mặt mà bắt hình dong " này nếu là độc nhất thì quả nhiên không khoa học, hay cùng lắm được gọi là khoa học sơ khai. Nó phải, và luôn luôn được kết hợp với các hoạt động khoa học quy phạm khác để tạo ra những mô hình ngày càng hoàn chỉnh của hiện thực.

Trong khoa học có khám phá, sáng tạo, phân tích, tổng hợp, kiểm chứng, giải thích... mỗi khái niệm này chỉ nhấn mạnh một khía cạnh nào đó của một tổng thể những hành vi có liên hệ chặt chẽ với nhau ; và trong sáng tạo có sự mảy mò, tìm kiếm trong mù mờ, tức tinh thần *cứ làm như thể là*. Nhưng chính vì *cứ làm như thể là* có một hành tinh khác xáo trộn quỹ đạo của hành tinh Thiên vương (Uranus) mà Le Verrier đã " khám phá " hành tinh Hải vương (Neptune) vào giữa thế kỷ 19, chỉ bằng tính toán.

Sau khi đưa bằng chứng về dòng dõi thế gia của những mô hình tin học ta có thể mô tả cái quá trình tiến triển hỗ tương giữa tin học và sinh học như sau :

* Sinh học tiếp tục nghiên cứu với những phương pháp đặc thù của mình, kết hợp các dụng cụ hoá hữu cơ, kính hiển vi, giải phẫu học... với các nguyên lý tân Darwin để tổng hợp các ngành sinh học phân tử, di truyền học và phát triển phôi (embryologie), bằng cách so sánh các sinh vật trong quá trình tiến hoá của chúng từ đơn giản đến phức tạp... Cho đến nay những tiến bộ diệu kỳ của sinh vật học, đưa đến những hiểu biết về sinh lý con người, về các virút và các thành quả y học tương ứng... vẫn hầu như toàn bộ nằm

trong hệ ý niệm đó. Trong tiến trình này máy tính điện tử chỉ được sử dụng như một công cụ xử lý thông tin phụ giúp cho người làm khoa học như trong bất cứ ngành nào khác. Nhưng hình như trong việc nghiên cứu các đối tượng như hoạt động của ADN trong phát triển phôi, hoạt động của bộ não... hai vấn đề điển hình nhất hiện nay, các nhà sinh vật học đã gặp phải hàng rào của sự phức tạp, và dùng máy tính điện tử như một công cụ xử lý thông tin cổ điển để phụ giúp việc lưu trữ, so sánh và tìm kiếm... không đủ nữa, họ thấy cần thiết nắm lấy công cụ này một cách sáng tạo để nó phục vụ đắc lực hơn cho mình. Hiện tượng nổi bật gần đây nhất là Craig Venter, được coi như người đã thủ thắng trong cuộc chạy đua đọc mã gen, là người đã dựa vào máy tính điện tử một cách sáng tạo nhất.

* Trong khi đó tin học, dựa trên những tiến bộ kỹ thuật về điện tử, về phương pháp lập trình, về viễn thông... càng ngày càng có những công cụ xử lý thông tin rất mạnh, và do đó càng có tham vọng đề cập những bài toán mỗi ngày một phức tạp. Xử lý song song và phân tán, trong đó nhiều máy tính cộng tác với nhau đang là đề tài nóng bỏng, và các đối tượng sử dụng trong địa hạt " vô sinh " không thiếu, như khí tượng học, như điều khiển hữu hiệu hơn mạng thông tin toàn cầu đang bùng nổ từng bùng... và người ta lại thấy cần trở lại nguồn cảm hứng ban đầu : có " bộ máy " nào phức tạp, thông minh, bền vững và tin cậy được như một sinh vật ? Mạng nơron đã bắt đầu có ứng dụng, và đó chỉ là một mô phỏng rất mờ nhạt của các nơron thực sự, hiểu biết rõ hơn về hoạt động của nơron chắc chắn sẽ giúp ích nhiều hơn.

* Vòng luẩn quẩn ? Không, đây là một vòng xoáy đi lên. Không phải là ngành nợ chờ đợi tiến bộ của ngành kia và trong khi đó dậm chân tại chỗ, mà chính là một tiến triển hỗ tương, nhờ ở sự " cứ làm như thể là ", cứ mày mò tìm kiếm với những ước đoán theo tương tự, với những công cụ không thật sự thích hợp, với những giả thuyết " cầu vồng ". Nhưng cũng với những phân tích, thí nghiệm, kiểm nghiệm nghiêm ngặt các giả thuyết ấy ; để rồi cũng có những phát minh, khám phá và giải thích có giá trị ; rồi khi ấy một tiến bộ bên này sẽ lại giúp đỡ bên kia. Và như thế sẽ dần dần thành hình một khoa học hoàn chỉnh, với những lý thuyết sát thực tế hơn và với những công cụ nghiên cứu thích hợp hơn. Đến đây có lẽ không cần thiết xác định đâu là khía cạnh chính và đâu là phụ ; tin học và sinh học của thế kỷ 21 sẽ cùng tấn công vào cái *vô cùng phức tạp*, cũng như các nhà khoa học từ thế kỷ 16 tới nay đã tấn công vào cái *vô cùng lớn* và cái *vô cùng nhỏ*.

* Có thể miễn cưỡng nói đại thể có hai loại phức tạp khác nhau, cái phức tạp tuyến tính theo chiều sâu và cái phức tạp trải rộng trên bề mặt do quá nhiều yếu tố khác nhau tác động qua lại để tạo ra một hiệu ứng nào đó. Tôi viết bài này trong khi nghe tiếng hát Hồng Nhung trong CD " Đoàn khúc thu Hà Nội " ; làm sao đi từ những con số 0 hay 1 ghi trong CD, qua đầu đọc laser đi vào máy tính, biến thành sóng điện từ rồi trở thành những âm thanh ngát ngát trong đầu tôi ...

tôi mong về Hà nội, để nghe gió sông Hồng thổi...
tôi mong về Hà nội, tìm lại tiếng ve thời trẻ dại...

Cái phức tạp chiều sâu kỹ thuật đi từ đĩa CD tới âm thanh có lẽ không còn xa lạ lắm với chúng ta, tuy đã là cả một vấn đề. Nhưng tại sao tôi thấy tiếng hát hay ngát ngát ? Ở đây có biết bao nhiêu là tín hiệu của các nơron chạy trong đầu ? Trong những nơron đó còn ghi lại những gì của thời thơ ấu đã trôi qua, bắt ve và đồ dế ven bờ sông Hồng ? Nếu nhìn sự sống của sinh vật từ các chuỗi ADN trở đi ta có thể thấy sự vô cùng phức tạp này gồm cả hai chiều, từ các phân tử protein tới tế bào, từ tế bào tới các bộ phận nhỏ của cơ thể, rồi từ các bộ phận tới toàn thể, ở mỗi kích thước nghiên cứu đều biết bao nhiêu vấn đề, biết bao nhiêu tác động qua lại.

Cho tới nay những thành quả của tin học đã có một chiều sâu đáng kể, chẳng hạn bạn ở xa chỉ cần vào trang nhà của Diễn Đàn trong mạng Internet, bấm con chuột vài lần là sẽ được ngắm những bức tranh tuyệt diệu, phố cổ Hà nội của Bùi Xuân Phái. Nếu phải giải thích từ số không trở đi tại sao làm được như vậy, thì cũng hết vài ngày. Nhưng còn những nghiên cứu về sự phức tạp do tác động nhiều yếu tố cộng lại thì phải nói chưa đi đến đâu, các hệ máy cho phép nối kết những xử lý song song khác nhau, để đưa đến một trình độ thông minh mới, còn chập chững. Ở đây sự sống của sinh vật, dù chỉ là những côn trùng giản dị nhất, là một nguồn cảm hứng và học hỏi rất lớn. Và để lại nói theo kiểu một tác giả khác : sự sống cũng *là một phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại*. Theo chiều ngược lại, các phương pháp mô phỏng bằng tin

học, với toán và lôgic là nền tảng, có thể cho phép thử nghiệm rất nhanh những giả thuyết về các cấu trúc sinh học và hoạt động của chúng.

3. Khoa học về bộ não

Tìm hiểu hoạt động của bộ não là công trình nghiên cứu đã lâu đời, với những phương tiện quan sát bên trong như giải phẫu, bên ngoài như đo các phát sóng điện từ... , kết hợp với quan sát bệnh lý, làm trắc nghiệm... người ta đã đạt được rất nhiều kết quả. Ngày nay bộ não đã được phân chia thành nhiều vùng, và người ta đã xác định được chức năng của mỗi vùng, mặt khác những điều kiện sinh hoá cần thiết cho bộ não hoạt động cũng ngày càng rõ, và các được phẩm chữa trị các bệnh liên quan tới não càng ngày càng nhiều và hữu hiệu. Nhưng càng biết thêm càng thấy nhiều câu hỏi.

Trong đầu con người có khoảng 100 tỷ noron, mỗi noron được nối với nhiều noron khác bằng những *synapses*, một noron có thể có đến hơn nghìn *synapses*, và số *synapse* tổng cộng lại được ước lượng khoảng 1 triệu tỷ. Tín hiệu được truyền qua thân noron tới các *synapses*, và tùy theo trạng thái của chúng mà một hay nhiều noron khác sẽ được kích thích để tiếp tục truyền tín hiệu. Đó là mức thấp nhất, nhưng từ đó tổ chức lên các tầng trên như thế nào, có thể có được một bản đồ chi tiết của *một* bộ não tới từng noron không ? Thêm nữa, bộ óc con người ta không giống nhau, vậy đâu là cái tổng quát và đâu là phần đặc thù ? Bộ óc lại biến chuyển với thời gian theo cuộc sống của từng người, vậy đâu là phần bẩm sinh và đâu là phần lịch sử cá nhân ?

Các phương tiện tin học có thể mô phỏng một cấu trúc như vậy hay không ? Xin thưa về mặt kỹ thuật hoàn toàn có thể được, chỉ chưa biết phải làm cụ thể thế nào thôi ! Nhưng may mắn thay có Darwin. Vì nếu tin rằng con người do tiến hoá từ các sinh vật giản dị hơn mà ra, thì người ta có thể, *và đã luôn luôn thành công khi làm như vậy*, nghiên cứu những sinh vật giản dị hơn để từng bước hiểu biết thêm về con người. Nghiên cứu về bộ não cũng vậy, các nhà sinh vật học đã thấy rằng cấu trúc của bộ não con người còn giữ lại nhiều dấu vết của tổ tiên từ xưa, rất xưa.

4. ADN, ô thật là giản dị

Sinh học có thể được coi như bắt đầu từ lúc, với phát minh kính hiển vi, người ta khám phá ra là các sinh vật là một tập hợp các tế bào, mô tả tế bào lần đầu được xuất bản năm 1667. Kể từ đó, một chuỗi dài các nghiên cứu về thực và động vật đã đưa tới đỉnh cao là khám phá ra cấu trúc ADN của Watson và Crick năm 1953. Từ đó người ta có thể nói như sau :

* Sinh vật chủ yếu gồm một tập hợp các tế bào, các tế bào lại phân hoá theo những nhiệm vụ khác nhau và được kết cấu với nhau trong những bộ phận khác nhau của cơ thể. Tế bào có màng bao bọc, chứa một dung dịch hữu cơ và một hạt nhân. Trong hạt nhân có các nhiễm sắc thể (chromosomes). Nhiễm sắc thể mang đầy đủ các thông tin cần thiết để làm nảy sinh một sinh vật. Tức cũng mang đầy đủ các yếu tố di truyền. Mỗi tế bào có khả năng, trong những điều kiện nhất định, tự chia đôi thành hai tế bào, làm cho sinh vật tăng trưởng.

* Nhiễm sắc thể là một tập hợp các gen. Mỗi gen là một chuỗi xoắn đôi ADN (Acides DesoxyriboNucléiques, ouf !). Người viết bài này không biết gì về sinh học thì chỉ nhớ được rằng mỗi chuỗi xoắn đôi ADN có thể được mô tả bằng một ngôn ngữ chỉ có 4 chữ cái là A, T, G, và C (các phân tử hữu cơ).

* Tại sao lại gọi chuỗi xoắn đôi ? Vì nó có 2 nhánh xoắn quanh nhau và gắn bó theo một quy luật nhất định : A bên này nối với T bên kia, và G bên này với C bên kia. Biết một nhánh tức là biết đầy đủ cấu trúc hoá học của gen. Thần kỳ của tạo hoá là làm ra cái máy tính ADN như thế. Vì trong khi sinh trưởng hai nhánh của một chuỗi có thể tách ra độc lập và tổng hợp từ các chất hữu cơ của tế bào cái nữa còn thiếu của mình. Để cuối cùng thành hai chuỗi, và một tế bào thành hai tế bào.

* Công việc của các chuỗi ADN không phải chỉ là như thế, mà nó còn thường trực tổng hợp các protein để tạo nên hình hài cho cơ thể. Để làm việc này ADN phát ra những mẫu " câu chữ " của mình dưới một dạng khác gọi là ARN (Acides RiboNucléiques), trong đó chỉ có chữ T được thay bằng một chữ khác (tức là một phân tử hữu cơ khác), chữ U. ARN là một thông điệp mà ADN gửi đến cho một " đơn vị ngoại vi " khác của tế bào, các Ribosome, có khả năng tổng hợp khoảng 100 ngàn protein theo yêu cầu, tức là theo ARN mà nó nhận được.

* Các tế bào đầu tiên giống nhau, nhưng rồi dần dần phân hoá các hoạt động. Trong sự phân hoá này người ta chưa hiểu rõ tại sao : tuy các ADN trong mỗi tế bào đều giống hệt nhau, nhưng lại có thể nhả ra các ARN khác nhau để tổng hợp các protein khác nhau. Các gen trong một tế bào hoạt động song song, nhưng có những gen bỗng không hoạt động nữa...

* Người ta biết lơ mơ về trách nhiệm của một số gen trong một vài trường hợp bệnh lý, nhưng các nhà sinh học đều cho rằng nhiều chức năng của cơ thể là do nhiều gen hợp tác đảm nhiệm.

Đó là tóm tắt những điều người viết bài này, làm nghề tin học, nghĩa là biết một ít về tin học và mù tịt về sinh học, tìm hiểu được, và múa rìu qua nhiều mắt thợ trình bày như trên. Hy vọng sẽ có những cao nhân chỉ giáo thêm. Nhưng cũng có thể hãnh diện mà nói rằng : thế thì nếu thay trong 4 chữ mỗi chữ bằng 2 bit là viết được cấu trúc của gen trong máy tính rồi. Theo những tin cuối cùng người ta hy vọng sẽ đọc mã được hết các gen của con người trong năm nay. Con người có khoảng từ 30 000 đến 35 000 gen, mỗi gen là một chuỗi ADN rất dài, trung bình khoảng 200 000 chữ. Vậy đọc mã được toàn bộ gen của con người tức là viết ra được 6 tỷ chữ, 12 tỷ bit. Đọc mã chưa phải là giải mã, nhưng người ta đã đi được vài bước đầu, tức là không phải hoàn toàn mù tịt về hoạt động và chức năng của một số gen. Phương pháp vẫn là nghiên cứu các sinh vật đơn giản, so sánh mã gen của các sinh vật khác nhau, hay của những mẫu khác nhau của cùng một loài sinh vật, suy đoán giữa khác biệt về gen và bệnh lý...

Đây mới là bước đầu, cũng như có CD của Hồng Nhung mà không biết làm sao làm máy nghe. Hay có một chương trình tin học rất lớn dưới dạng nhị nguyên mà không có tài liệu giải thích và cho biết cách dùng. Nhưng bước đầu này hứa hẹn những tiến bộ rất lớn trong sinh học và áp dụng trong y học nói riêng. Nhìn dưới góc độ tin học thì mỗi tế bào là một máy tính có 30 000 bộ xử lý chạy song song và cộng tác với nhau. Người ta sẽ có mã các chương trình của mỗi máy tính, không dài lắm, nhưng cũng chưa biết chi tiết chúng hoạt động ra sao. Tương lai còn nhiều khó khăn nhưng mang đầy hứa hẹn.

(còn tiếp)
Hàn Thủy

Đầu thế kỷ 21 : Tin học và Sinh học hội tụ

Hàn Thuỷ

Phần 2 : đôi điều có lẽ

Kỳ trước đã đi qua một số tiến bộ khoa học mà người ta hy vọng có thể đạt được trong tương lai gần, nhờ ở sự hội tụ giữa Sinh học và Tin học. Sự hội tụ này nhờ ở khả năng mô hình hoá của Tin học ngày càng cao, tấn công được vào những hiện tượng vô cùng phức tạp mà những nghiên cứu về sinh học càng đi sâu càng đặt ra nhiều. Những tiến bộ ấy nằm trong hai phạm trù nghiên cứu : khoa học về bộ não và di truyền học, với những thành công hiện đã manh nha, như mạng neuron, đọc và giải mã gen. ở đây chỉ bàn về những vấn đề liên hệ đến khoa học luận, vì báo chí đã nói quá nhiều trên những ứng dụng của tin học và sinh học. Những ứng dụng này có ảnh hưởng xã hội và kinh tế rất lớn, và không phải hoàn toàn chắc chắn là sẽ theo chiều hướng tốt. Chính vì thế lại càng cần thiết nắm bắt nội dung của các ngành nghiên cứu này.

Nhưng, để tiếp tục trình bày về những viễn tưởng xa, mênh mông... và manh mong... hơn, xin được phép nhìn chung cảnh quan từ điểm khởi đầu, theo người viết bài hiểu được. Cái nhìn khởi đầu đó là nhận thức rằng đối tượng của tư duy con người nằm trong ba thế giới : thế giới vật chất, thế giới của sự sống, và thế giới tư tưởng. Về quan điểm này người viết hoàn toàn đồng ý với Phan Huy Đường, trong cuốn *Penser librement* (xem giới thiệu trong Diễn Đàn số 99, 9.2000).

Nhưng nếu lối tiếp cận của tác giả, theo triết học duy vật biện chứng, là chất vấn những quan hệ của tư duy với ba thế giới đó một cách tổng thể, thì lối tiếp cận của các người nghiên cứu khoa học vẫn là tách bạch bản thân mình, chủ thể tư duy khoa học, và đối tượng tư duy, mặc dù phạm vi của đối tượng đó ngày càng rộng lớn và sâu xa. Mặc dù đối tượng tư duy khoa học có thể bao gồm sự sống và tư tưởng. Và phương pháp luận vẫn là chia nhỏ, khu biệt các vấn đề, đi từng bước, phân tích và tổng hợp, tìm kiếm sự đồng thuận tối đa qua lý thuyết và thực nghiệm.

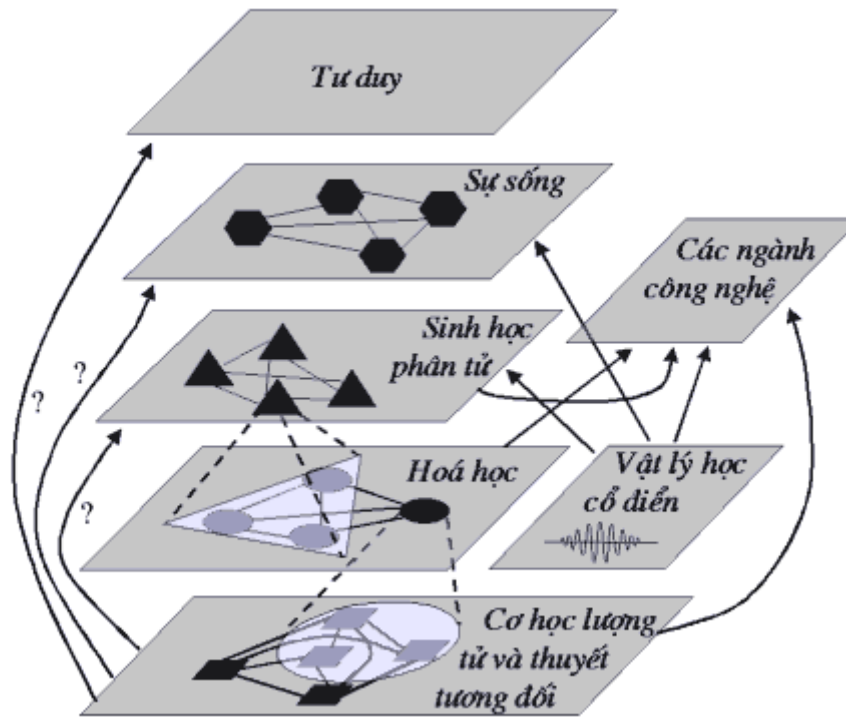
Từ những thành công cục bộ và cụ thể như đã nói kỳ trước, con người ngày nay đã trở lại những tham vọng cướp quyền tạc hoá đã có từ muôn thuở, với phần nào tự tin hơn, và với phương pháp chặt chẽ hơn. Vì những câu hỏi *tại sao ? như thế nào ?* không dấu được cái tham vọng *làm thế nào ?* nằm trong. Trong viễn cảnh nói tới ở đây, công việc là đi tìm cái cầu nối giữa thế giới vật chất và thế giới của sự sống, và tìm cách bắc cầu từ thế giới sự sống đến thế giới tư duy. Nói cách khác, như thế là đã đặt được hai câu hỏi cụ thể hơn : từ vật chất nảy ra sự sống như thế nào ? và từ sự sống nảy ra tư duy như thế nào ? Tuy về mặt thực nghiệm các câu hỏi này vẫn nằm trong hai phạm trù nghiên cứu : khoa học về bộ não, và sinh học phân tử, trong tương lai dĩ nhiên người ta sẽ dùng bất cứ phương pháp, lý thuyết, kết quả cụ thể nào của các ngành khoa học khác khi cần thiết.

Vậy sau khi xem xét về phương pháp luận của sự bắc cầu, sẽ xin điểm lại một vài dự phóng về hai khoa học trên. Rồi cuối cùng cũng không thể không nhắc tới những phê phán (gồm cả sự tự phê phán của các nhà khoa học) về bản thân việc áp dụng phương pháp khoa học trên những đối tượng như sự sống và tư duy.

1. Giảm thiểu

Hình 1 đi kèm dưới đây tượng trưng một cách giản lược hệ thống hiểu biết khoa học hiện nay. Hiểu biết được chia thành nhiều bình diện có trật tự trên dưới, tuy không phải là một trật tự tuyến tính. Càng ở phía dưới thì càng đơn giản và càng đi sâu vào những cấu tạo và cấu trúc cơ bản nhất của thế giới vật chất.

Hình 1 : Các tầng lớp của hiểu biết khoa học chính xác, tầng trên cùng là viễn cảnh.



Ở mỗi bình diện người ta nhận diện được những thực thể (entités) và nghiên cứu để nắm bắt được những quan hệ (relations) giữa những thực thể ấy. Trong hình vẽ, thực thể là các hình khối và quan hệ giữa chúng là những đường nối các hình khối. Như ta thấy ở đây, một thực thể ở bình diện trên có thể được giải thích như là một tập hợp những thực thể và quan hệ ở bình diện dưới. Thí dụ như thực thể nguyên tử của hoá học (và những tính chất của nó) có thể được giải thích bởi những hạt lượng tử đã kết cấu với nhau theo những quy luật nhất định của cơ học lượng tử. Các quan hệ ở bình diện trên cũng có thể được giải thích bởi những quan hệ ở bình diện dưới.

Nói như trên sợ bị hiểu nhầm là khoa học chính xác chỉ có một cái nhìn hoàn toàn tĩnh lặng về hiện thực. Dĩ nhiên không phải như vậy, khoa học chính xác cũng nghiên cứu sự thay đổi trong tính chất của các thực thể và trong quan hệ của chúng. Và chính sự thay đổi và các quy luật thay đổi này mới là những điều đáng chú ý. Sau đây xin gọi chung những sự vật, quan hệ, biến đổi... mà khoa học khảo sát ở mỗi bình diện là những hiện tượng. Và phương pháp luận đi tìm những giải thích của một hiện tượng ở bình diện cao bằng những hiện tượng ở bình diện thấp hơn được gọi là phương pháp "giảm thiểu" (reductionisme).

Giảm thiểu là gì : khi một hiện tượng hay quy luật ở một bình diện cao được phát hiện (thường là trong quá khứ), người ta có khuynh hướng cho rằng đó là một quy luật "trời cho", nó là như thế, không có gì để giải thích cả. Nhưng như thế thì tích tụ lại càng ngày trời cho càng nhiều, khó nhớ ; và vì chúng có vẻ như độc lập với nhau, khó áp dụng linh hoạt. Vì thế nghiên cứu khoa học là tìm ra trong các quy luật đó một số ít quy luật ở bình diện cơ bản hơn, để có thể từ đó suy ra nhiều quy luật thực nghiệm ở bình diện đời thường, đưa tới sự thống nhất và nhất quán của khoa học tự nhiên qua tác động hai chiều, phân tích từ trên xuống và tổng hợp từ dưới lên.

Thí dụ quy luật nổi tiếng mà Archimède (thế kỷ thứ ba trước tây lịch) trong một phút xuất thần đã phát hiện : *mọi vật khi nhúng xuống chất lỏng thì bị đẩy lên bằng một sức đẩy ngang với số chất lỏng được chứa trong thể tích mà nó chiếm chỗ*. Cho tới thời khoa học cổ điển của thế kỷ 17 không ai tìm cách giải thích định luật ấy cả, nó là như thế, và nó bao giờ cũng đúng. Hoặc giả nếu ta đặt lại mình vào thời cổ đại chắc cũng có thể nghĩ như sau : *chiếm chỗ của nó thì bị nó đẩy là tự nhiên, càng chiếm nhiều chỗ thì càng bị đẩy mạnh*. Nhưng tại sao lại *đẩy lên*, mà không *đẩy ra*, hay *đẩy xuống* ?

Với những hiểu biết cơ học và hoá học hiện nay, thì một em học sinh tú tài có thể giải thích được định luật Archimède theo phương pháp giảm thiểu : Lực đẩy là do tác dụng tổng hợp của các phân tử trong chất lỏng khi va chạm vào vật thể (A) bị nhấn chìm mà thành. Làm sao tính toán được tác dụng ấy ? nếu

đi vào phân tích thì sẽ bị khó khăn, nhưng em học sinh có thể lý luận khôn khéo như sau : thí dụ ta cũng nhận chìm một vật thể khác (B) giống hệt vật thể ấy (A), nhưng có một vỏ bọc rất mỏng, tác dụng không đáng kể, và chứa cùng chất lỏng của môi trường bên ngoài. Hiển nhiên là (B) chịu một lực tổng hợp bằng không, vì nếu không chất lỏng trong bình sẽ phải lưu chuyển theo một chiều hướng nhất định. Vậy thì (B) chịu một sức đẩy bằng trọng lượng của nó và ngược chiều (tức là đẩy lên). Và vì (B) giống hệt (A) nên (A) cũng chịu sức đẩy đó. *Vậy thì, thưa thầy, em đã chứng minh được định luật Archimède.* Cũng cùng điểm khởi đầu đó, rằng vật chất ở thể khí và thể lỏng được tập hợp bởi các phân tử luôn luôn va chạm vào nhau trong khoảng không, người ta có thể giải thích tại sao trong cùng điều kiện nhiệt độ và áp suất thì số phân tử của các khí khác nhau lại bằng nhau (số Avogrado), hay là tại sao khi trộn lẫn hai chất lỏng khác nhau thì thể tích dung dịch lại có thể nhỏ hơn hai thể tích khi tách rời cộng lại. Ba chuyện đời thường tưởng như chẳng ăn nhập gì với nhau.

2. Tân xuất và giảm thiểu

Nhưng cũng có những người cho rằng có những hiện tượng không thể được giải thích sâu hơn mà là những quy luật riêng của bình diện trên, "tổng thể lớn hơn các thành phần cộng lại". Đó là hiện tượng "emergence": có một cái gì mới mẻ xuất hiện ở bình diện cao hơn mà ta không thể giải thích bằng những khái niệm dùng ở bình diện thấp hơn. ở đây xin tạm dịch hai chữ "phénomène émergent" trong nghĩa này là "hiện tượng tân xuất". Trên thực tế, trước kia người ta công nhận : nước có những đặc tính mà khinh khí và dưỡng khí đứng riêng là không có, bởi vậy phải nghiên cứu, thực nghiệm và suy luận ngay trên đối tượng là nước chứ không phải chỉ nghiên cứu dưỡng khí và khinh khí là có thể *suy ra* những đặc tính của nước. Nhưng hiện nay, với cơ học lượng tử, người ta tin rằng *có thể* làm việc này, tuy rằng những phương trình cần giải quyết là hết sức phức tạp, và trên thực tế người ta vẫn cần đến khái niệm nước và những đặc tính của nó, dù chỉ để nói chuyện với nhau cho ngắn gọn. Tuy nhiên phải nói thêm là trong công việc *suy ra* nói trên không phải chỉ có tính toán, người ta có thể đi một con đường thô thiển hơn nhưng cũng có hiệu quả trước mắt hơn, đó là sử dụng những phương tiện rất mạnh của tin học để mô hình hoá và mô phỏng một cách gần đúng phân tử nước.

Như vậy quan niệm về các hiện tượng tân xuất vẫn rất cần thiết, không những thế một hiện tượng tân xuất còn đặt ra thêm công việc cho công tác khoa học : áp dụng tiến trình giảm thiểu vào hiện tượng này để hiểu rõ nó sâu sắc hơn, và biết đâu, có thể đi đến phủ định hay hoàn chỉnh một khía cạnh nào đó của các quy luật cơ bản.

Những bàn cãi về sự đối lập giữa tân xuất và giảm thiểu là rất lý thú, và có liên hệ mật thiết đến những vấn đề trong khoa học luận về sự phức tạp nói chung, và sinh học nói riêng.

Trở lại **Hình 1** ở trên, ta thấy ở tầng cơ bản nhất là hai lý thuyết về bản thể của vũ trụ : thuyết tương đối và thuyết lượng tử, hai thuyết này hiện nay coi như giải thích được tất cả các hiện tượng của đời thường. Nhưng có phải vì thế mà có thể bỏ qua hai ngành khoa học là hoá học và vật lý học cổ điển như chúng ta vẫn học ? Dĩ nhiên là không, để mô tả và khảo sát các thực thể của đời thường thì hai ngành học này vẫn có những giá trị không thể bỏ qua. Người làm sinh học phân tử có thể không cần biết đến cơ học lượng tử nhưng không thể không nắm vững hoá học. Tương tự như vậy, người làm công nghệ nói chung cũng có thể chỉ cần nắm vững hoá học và vật lý học cổ điển.

Vậy đặc điểm nào cho phép một bình diện trung gian là cần thiết ? Dĩ nhiên là những thực thể và quan hệ nằm trong bình diện đó phải đủ bền vững trong phạm vi nghiên cứu thích hợp. Thứ hai là những quy luật tự nhiên trong bình diện ấy cũng phải được phát biểu bằng những khái niệm của chính nó. Bởi thế trong quá khứ chúng ta đã là những ngành học gần như độc lập. Và có trước các ngành vật lý học cơ bản mà hiện nay làm nền tảng cho nó.

Điều này có ý nghĩa gì ? Trước hết là vì trong quá khứ các ngành khoa học cổ điển đã có một hệ thống khái niệm và ngôn ngữ riêng, nhất quán và tự đầy đủ trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nhưng với thời gian các hiện tượng mới được phát hiện, và những khái niệm, quy luật, ngôn ngữ riêng của bình diện đó đã trở nên không đủ để giải thích hết mọi hiện tượng. Vì nếu chúng là đầy đủ thì có lẽ chẳng bao giờ

người ta lại cần tìm hiểu sâu hơn. Đó là giai đoạn sau. Nhưng như thế không phải là loại bỏ nền tảng cũ mà là làm cho nó giàu hơn lên. Chẳng hạn, khi cơ học lượng tử đi sâu hơn để thành lập nền tảng vững chắc và đầy đủ hơn cho hoá học, thì không phải là loại bỏ bình diện hoá học, mà chính lại làm cho nó giàu có hơn bằng những vật chất và hiện tượng mới, phát biểu được bằng ngôn ngữ của hoá học cổ điển được sửa chữa để trở nên tinh tế hơn.

Quan hệ qua lại giữa hai bình diện hoá học và sinh học phân tử cũng tương tự.

Nhưng vấn đề lý thú đặt ra ở đây là quan hệ giữa *ba* bình diện : Những dấu chấm hỏi trong các mũi tên phía trái của **Hình 1** muốn nêu lên vấn đề sau : vậy hoá học, với những khái niệm, thực thể, quan hệ của nó... có thể làm nền tảng để *giải thích* toàn bộ toàn bộ sinh học phân tử không ? ở đây dùng chữ *giải thích* chứ không dùng chữ *hiểu*, vì muốn *hiểu* cũng cần ngắn gọn, tức là không chỉ cần dùng ngôn ngữ, khái niệm riêng của sinh học mà còn nghiên cứu và thực nghiệm trên những thực thể sinh học. Vấn đề ở đây phức tạp hơn nhưng tương tự như bài toán với nước, đường khí và khinh khí ; trên nguyên tắc có thể quan niệm là khi muốn phân tích sâu hơn thì mỗi hiện tượng sinh học có thể được giải thích bằng hoá học, nếu hoá học là một tầng lớp trung gian đầy đủ. *Trừ phi là không*, nghĩa là có các hiện tượng lượng tử tác động một cách ma quái nào đó lên các hiện tượng quan sát được ở mức độ sinh học phân tử, mà không thông qua những hiện tượng trung gian của hoá học như nguyên tử và phân tử.

Tại sao không như thế ? Và nếu lấy thí dụ ở các ngành khác thì có những hiện tượng đời thường trong cõi vô sinh là không thể giải thích được bằng cơ học cổ điển, dù cho chấp nhận chỉ gần đúng thôi ; hơn thế nữa, người ta không thể chế tạo được nhiều vật liệu hiện nay nếu không trực tiếp ứng dụng cơ học lượng tử, không chỉ thông qua những quy luật của hoá học và cơ học cổ điển. Câu hỏi càng trở nên thích thú khi ta đặt vấn đề tương tự cho bình diện tư duy.

3. Từ vô sinh đến hữu sinh và công nghệ sinh học

Thế nào là sự sống ? Ngoại trừ thi sĩ : "*ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau*" chắc ai cũng có thể nói được là sỏi đá là vô sinh, yên nhiên tự tại, chẳng cần ai cả. Nhưng sỏi đá khác một sinh vật ở chỗ nào ? nói chung những bài học vỡ lòng về sinh vật học bảo rằng có thể gọi một thực thể là sinh vật khi chúng có ít nhất ba đặc tính : 1) có tiêu thụ (và sa thải) vật chất và năng lượng ; 2) có tăng trưởng ; và 3) có sinh sản ; và tự thực hiện những đặc tính đó trong một môi trường thích hợp ; có lẽ trong đó *tự sinh sản* là đặc điểm chủ yếu nhất. Chẳng thế mà chữ "sinh" được dùng để phân chia hai thế giới.

Nhưng tự sinh sản là một cái vòng luẩn quẩn : quả trứng và con gà. Và chúng ta đã biết, để phá vỡ cái vòng luẩn quẩn đó là cả mấy nghìn năm suy luận, quan sát và thực nghiệm.

Aristote cho rằng trong mọi vật đều hàm chứa một *nguyên lý tĩnh, principe passif*, đó là vật chất (matière), khi gặp một *nguyên lý động, principe actif*, tức là hình thể (forme) trong điều kiện thích hợp thì nảy sinh sự sống. Nguyên lý động là cái gì rất trừu tượng, một *khả năng* làm cho vật chất nảy sinh. Con người phương Tây bằng lòng với cách giải thích đó cho tới thời hiện đại từ nửa sau thế kỷ 16. Nhưng từ đó cũng còn cãi nhau chán chê mới bỏ được cái tên đối mới của *principe actif* tức là *principe vital, nguyên lý sự sống*, cũng chẳng khác gì. Vì tựu trung như thế vẫn bảo vệ quan niệm : sự sống (của một sinh vật) là tự nhiên xuất hiện. Cho tới những thí nghiệm của Pasteur thì nói chung mọi người mới công nhận : sự sống là do sự sống mà ra, còn trước đó ? thì do đáng tối cao sáng tạo muôn loài. Từ một quan niệm vô thần và siêu hình sang tới một quan niệm cũng vẫn siêu hình, nhưng hữu thần, tuy nhiên phù hợp hơn với quan sát và thực nghiệm khoa học trong một khoảng thời gian ngắn.

Đến giữa thế kỷ 19 với Darwin người ta mới thực sự chấp nhận đồng ý rằng sự sống có thể từ vô sinh mà ra, rồi tiến hoá trong một thời gian dài hàng tỷ năm mới thành ra muôn loài như hiện nay. Như thế đặt ra hai khẳng định : trong những điều kiện thích hợp các chất hữu cơ dần dần trở nên phức tạp, và đến một lúc nào đó có thể *tân xuất* một thực thể hữu cơ có khả năng tự sinh sản, sinh vật ; và đến lúc nào đó thì trong quần thể sinh vật đó lại *tân xuất* một quần thể sinh vật khác phức tạp hơn. Người ta có thể tự bằng lòng với một lý thuyết chung chung như vậy, vì giải thích một cách khoa học những bước nhảy vọt là rất

khó. Không tránh được phải đưa vào những yếu tố ngẫu nhiên, nhưng sự ngẫu nhiên có thể được mô phỏng bằng tin học. Ngoài ra tính toán những đặc tính của các phân tử hữu cơ phức tạp hơn hàng nghìn lần phân tử nước là một điều không thể giải bằng những phương trình chính xác được. Người ta lại vẫn phải dùng phương pháp mô hình hoá và mô phỏng bằng tin học. Trên thực tế hiện nay trong các phòng bào chế được phẩm lớn người ta đã dùng máy tính và phương pháp mô phỏng để tiên đoán đặc tính của những phân tử hữu cơ mới mà họ muốn tổng hợp.

Nói chung hiện nay lý thuyết tân Darwin, trong đó sự phân hoá dựa trên đột biến của các gen, và sau đó thì mới tới sự tồn tại của các sinh vật mới thích hợp nhất với môi trường, gần như được đồng thuận trong các nhà sinh vật học. Và đúng là sự đột biến đó là ngẫu nhiên do các gen bị biến đổi bởi tác động của các hạt lượng tử. Thế thì sự tân xuất cũng có thể được giải thích bởi phương pháp giảm thiểu với điều kiện sử dụng những khái niệm ở tầng cơ bản nhất. Và bản thân những khái niệm của cơ học lượng tử lại hàm chứa hiện tượng ngẫu nhiên như một thuộc tính cơ bản của thế giới vật chất.

Vậy phải chăng có nghĩa là con người không có khả năng tác động lên các sinh vật hay sáng tạo ra các sinh vật mới ?

Câu trả lời tùy thuộc thế nào là tác động, và thế nào là sáng tạo. Đúng là làm lại như tạo hoá bằng một quá trình hàng tỷ năm thì con người không có điều kiện, nhưng còn biến chế, tổ hợp lại trên cơ sở những chất liệu đã có sẵn, thì tại sao không ? Và thực chất là công nghệ sinh học đang làm chuyện đó. Hiện nay còn ở mức thủ công mò mẫm vì người ta còn chưa hiểu hết tác động tổng hợp của các gen, cũng như tác động của môi trường chung quanh lên trên sự phát triển phôi, vì vấn đề còn rất phức tạp. Ngăn chặn một con virus như virus SIDA còn chưa xong, huống hồ. Nhưng có thể nói là những nghiên cứu về vi sinh vật sẽ có những tiến bộ rất lớn, với tiềm năng nguy hiểm cũng rất lớn. Những thực vật và sinh vật với gen được cải tạo thì đã có rồi, tiềm năng hứa hẹn cũng như nguy hiểm tiềm tàng đã thành vấn đề thời sự.

Còn liệu trong vài thập kỷ hay vài thế kỷ tới liệu người ta có thể sản xuất ra được những Frankenstein ? chưa thể nói. Vấn đề đặt ra một cách ngông cuồng là như sau : liệu có thể tác động lên gen để từ đó làm thành các siêu nhân hay siêu quái vật, như ý muốn. Như thế có nghĩa là đã nắm vững được toàn bộ quá trình phát triển từ *đặc thái di truyền (génotype)* tới *đặc thái hiện tượng (phénotype)* trong một môi trường tăng trưởng nhất định. Dĩ nhiên người ta sẽ bắt đầu bằng các sinh vật rất giản dị, chỉ có một số rất ít neuron, còn với những sinh vật phức tạp hơn thì hoạt động của bộ não còn chưa hiểu, nói chi đến điều khiển gen để cuối cùng có được bộ não như ý muốn. Có lẽ trong nhiều thập kỷ nữa nghiên cứu về bộ não, kết hợp với nghiên cứu về trí năng nhân tạo còn là một ngành độc lập với sinh học phân tử và di truyền.

(còn tiếp)

[\(trở về phần 1 \)](#)

Hàn Thuỷ

Bức màn

Nguyên tác : "Curtain"

Jim Phelan
Miêng chuyện ngữ

Jim Phelan sinh trong một gia đình nghèo ở Dublin. Lần lượt làm diễn viên, thợ rèn, nhân viên nhà băng, ký giả... Ông sống cuộc đời lang thang, đôi khi phải vào tù. Từ kinh nghiệm sống này ông đã viết *Letters from the Big House* (Cresset, Hutchinson Publishing Group, London 1943) một tuyển tập truyện ngắn, như truyện *Bức Màn*, đã miêu tả thế giới lao tù với một cái nhìn sắc bén của thâm cảnh đôi khi xen lẫn khôi hài đen. Jim Phelan cũng viết *Bog Blossom Stories* (Sidgwick and Jackson, London 1948), nhiều tiểu thuyết, và một quyển tự truyện, *The Name's Phelan* (Sidgwick and Jackson, London 1948).

"Nhà tù Fenfield, bên phải". Chiếc xe ca chạy chậm lại và du khách dán mắt nhìn vào cảnh tượng quái dị : giữa khung cảnh xanh tươi dễ chịu của đồng quê, một toà nhà khổng lồ bằng gạch đỏ sừng sững lên, bao chung quanh bởi những dãy nhà nhỏ chen sát nhau làm tăng thêm vẻ bao la của nó.

"Tù khổ sai, bên trái". Hướng dẫn viên du lịch biết rõ việc mình làm, biết đúng chỗ nào có gì đáng xem trên con đường anh ta đi qua mỗi ngày. Khoảng hai chục cái đầu quay từ nhà tù sang tù nhân, đúng y như các du khách khác đã làm trong các cuộc hành trình khác. Hành khách há mồm ra nhìn với vẻ ngỡ ngàng, nhíu mày hay rùng mình quay mặt đi tùy tính khí mỗi người, trong khi chiếc xe ca từ từ lăn bánh xuống đồi.

Trên những cánh đồng và các con đường, rải rác vài trăm người đang làm việc. Trang bị bằng cày, cuốc, rìu và bay thợ nề, đó đây người của nhà lao đang bận rộn với công việc khổ sai của họ.

Chỗ này một nhóm người kéo dây đã dẫn, chỗ kia một nhóm khác đang cố kéo cái xe mà chính họ bị móc vào đấy. Nhiều nhóm khác, mỗi nhóm có một người trông chừng bận đồ xanh, đang xây một bức tường sắp xong. Gần đó một đứa con nít đang chơi và một cô gái đứng bên đường cái nhìn du khách đi qua.

Thình thoảng một du khách bình phẩm rằng Fenfield đã đổi khác. Du khách luôn luôn chờ thấy một bức tường, một bức tường cao khép kín cái im lặng và điều bí ẩn bên trong nhà lao. Các hướng dẫn viên biết rõ điều ấy, và luôn luôn chỉ nhà tù trước tiên, tiếp theo mới cho du khách cái cảm giác rờn rợn với câu "tù khổ sai bên trái". Thông thường du khách bị xúc động khi nhìn thấy các tù nhân lác đác khắp nơi - phía bên ngoài bức tường.

Xe ca vừa chạy nhanh vừa rít lên và du khách hướng cái nhìn về chỗ khác. Tù nhân các nhóm làm việc hơi ngẩng đầu lên. Tất cả mấy cái trò đó đã quen thuộc quá rồi. Mỗi ngày nhiều xe ca chạy qua với cùng một thứ khẩu hiệu "Nhà tù Fenfield bên phải. Tù khổ sai bên trái". Mỗi ngày, du khách dán cái nhìn vào tù nhân đang làm việc trên đồng, nhìn vào những người cai tù, nhìn vào bức tường chưa hoàn thành.

Bức tường bao một vòng thô ráp chung quanh nhà lao. Có lẽ nó dài khoảng một dặm. Hàng trăm năm nay, nơi đó vẫn mở ngõ cho mọi người. Tù khổ sai làm việc trên các đồng cỏ hay trên đường, trong khi cư dân quanh vùng chăm lo công việc của mình, không ai để ý ai. Rồi từ mấy năm nay bức tường được bắt đầu xây lên. Chậm chạp trong cái vòng tròn bất thường, nó bò dài ra tới các đầu ranh giới của nhà lao. Cuối cùng bây giờ nó hầu như trở lại điểm khởi đầu. Cái vòng tròn gần như toàn vẹn.

"Fenfield... bên mặt... Tù khổ sai... bên trái". Cô gái đứng gần đường cái quay bỏ đi khi một chiếc xe ca khác đang chậm chậm xuống dốc. Cô ta đi ngang qua trước nhóm người đang làm việc chỗ bức tường và tiến về phía một căn nhà lớn nằm cạnh cửa nhà lao. Nhóm người lo việc xây cất không để ý lắm đến cô ta, như thể cô ta là người qua lại thường xuyên. Cô gái có vẻ một người giúp việc nhà. Cô mang một giỏ thức ăn và một tờ báo; cả cô ta cũng vậy, cô cũng có vẻ quen thuộc với khung cảnh này lắm rồi.

Khi đi qua lỗ hồng của bức tường, cô chậm bước. Viên cai tù quay lại nói chuyện với tù nhân. Một gói nhỏ từ tay cô gái rớt ra trên đồng đá. Rồi cô quay trở lại lối đi dẫn về nhà.

Lỗ hồng trên tường nhỏ, rộng khoảng hơn hai mươi bộ, hai mươi bộ cuối cùng của một dặm. Một con đường nhỏ băng qua đó, dùng cho cả cư dân quanh vùng và tù nhân. Sắp tới đây, khi bức tường hoàn thành, cư dân sẽ phải tìm một lối đi khác và sẽ không thấy tù nhân xuất hiện nữa. Nhưng hiện tại con đường cũ vẫn còn đó, điểm tiếp xúc cuối cùng giữa hai thế giới, thế giới tù tội và thế giới tự do.

Khoảng hai mươi người làm việc trong nhóm xây cất, đang nâng từng tảng đá to, trộn vữa, đẩy xe cút kít. Xa hơn một chút là một người làm việc một mình với cái bay và cái bàn xoa. Một thanh niên có lẽ vào khoảng hai mươi bảy tuổi, cao lớn, tóc hoe vàng, mang nẹp xanh trên tay áo và con số thêu xanh trên mũ cát kết. Khi cô người làm đi ngang qua, anh ta không ngẩng đầu lên. Nhưng khi cô ta vừa đi khỏi, anh ta đặt cái bay xuống và băng qua lỗ hồng của tường.

Viên cai tù không để ý gì. Ngay cả cư dân vùng đó cũng thừa biết là một người "mang nẹp xanh" có thể di chuyển đó đây mà không hề bị theo dõi. Người tù khổ sai nâng vài tảng đá trong đồng đá bỏ lên xe cút kít rồi đẩy đi qua cái lỗ của tường. Sau mấy phút anh ta lại trát vữa với vẻ chuyên cần, nhưng bàn tay cầm cái bay có dấu một gói con con. Lén lút, nghe ngóng như một con chim hoảng sợ, anh chọn lúc mà người cai và các tù nhân khác đang bận bịu, để nhét nhanh cái gói nhỏ vào dây nịt.

Vài phút sau, cô gái ra khỏi lối đi và bước chậm chậm xuống đường. Cô ngần ngừ một giây rất ngắn gần đồng đá, lấy lại tờ báo rơi dưới đất rồi rảo chân rồi xa sau khi liếc một cái tới "anh chàng mang nẹp xanh".

Trên băng đá gần lối đi công cộng, trong khi những người du khách đi ngang qua, cô đọc mảnh giấy mà anh đã thả rơi trên đồng đá, anh viết : "Maeve yêu quý, vì Chúa, xin em đừng lo lắng quá như vậy. Ngay cho là anh có bị ở đây suốt đời chẳng nữa thì chúng ta vẫn còn có thể gặp nhau kia mà. Em yêu, khi chúng ta thành hôn, chúng ta không hề nghĩ rằng chưa đầy một năm sau là anh lại bị tù. Tuy vậy sáu năm nay anh cảm thấy gần như sung sướng ở đây, nhờ vào tình yêu và lòng can đảm của em. Sẽ có, sẽ phải có một phương tiện nào đó để mình gặp nhau".

Cô gái làm một cử chỉ sốt ruột rồi vẫn ngồi, với cái nhìn trống vắng, đầu óc cô chú mục nghĩ tới câu chuyện đã xảy ra.

Sáu năm trước, đang ở tốt đỉnh hạnh phúc thì tai hoạ giáng xuống đầu họ. Buổi tối liên hoan ai cũng uống nhiều, rồi có cãi cọ, một tiếng súng nổ và cuộc điều tra tiến hành, vụ kiện xử qua loa và được giảm nhẹ hình phạt nhờ lòng khoan hồng. Rồi những năm tình thần bị dẫn vật với giải pháp tuyệt vọng là đi làm con sen cho người ta để được gần anh...

Họ rất cẩn trọng. Không bao giờ, chưa một lần nào họ dám liều lĩnh. Một mẫu giấy vút xuống đất hay một lời nói nhanh; đôi khi nếu tình hình thuận lợi, họ trao vội cho nhau một cái hôn nồng nàn. Chỉ thế thôi. Tuy nhiên như anh đã nói, là anh hầu như hoàn toàn sung sướng. Nhưng bây giờ - cô làm một cử chỉ nhỏ lần nữa, chụp vội mảnh giấy nằm trên đùi với vẻ bút rút.

Trở lại gần bức tường mọc cao dần lên, người thợ mang nẹp xanh quỳ trong một góc vắng để đọc mảnh giấy anh vừa nhặt khi nãy. Maeve viết : "Jack, anh phải nghe em. Đây là cơ hội cuối cùng của anh. Anh không có gì để mất cả bởi nếu anh bỏ qua dịp này, chúng ta sẽ xa nhau vĩnh viễn. Nếu anh nắm lấy cơ hội và thất bại thì điều tệ nhất có thể xảy ra là sự xa cách thôi. Chiều nay trước khi mọi người đi về, anh hãy đến. Thật là tuyệt vọng, em biết, nhưng chúng ta cũng đang tuyệt vọng lắm rồi".

Người tù khổ sai nhìn quanh một cách lén lút với vẻ gì còn nặng nề hơn là nỗi lo âu trong mắt anh. Anh loay hoay viết vội vã trên mảnh giấy còn giữa chừng, rồi anh ngừng lại, thở dài rít lên rồi bắt đầu viết tiếp. Còn đủ thời gian vừa đúng cho một lần chuyển đá nữa trước khi các nhóm thợ đi ăn trưa. Mấy phút sau, những người tù khổ sai về từ các cánh đồng và bìa đường, nối tiếp nhau vượt qua lối đi của bức tường; người ta nghe một tiếng gầm nặng nề, tiếng xì xào nổi lên trong nhà lao lớn rồi sự im lặng của buổi trưa rơi xuống Fenfield.

Trong sự yên tĩnh của bữa ăn trưa, Maeve nhặt mảnh giấy thứ hai không khó khăn gì, trước khi nhanh chân trở về với những bận rộn thường ngày trong căn nhà bên cạnh. Nhiều lần trong suốt buổi chiều, trong khi nghỉ chốc lát giữa các công việc, cô cố kềm chế tiếng nức nở khi đọc lại mảnh giấy cuối cùng của anh. Anh viết : "Maeve yêu quý, anh tin chắc là em có lý. Nhưng không cần gì phải vội em ạ. Gượng đã, Maeve ạ, hãy gượng đã. Vẫn còn ngày mai, hay một ngày nào đó, trước khi bức tường hoàn thành. Liều lĩnh hấp tấp có khi là điên rồ. Ngày mai -hay ngày kia - nói với các anh ấy hãy sẵn sàng. J."

Chiều xuống, khi mọi việc đã xong rồi, Maeve trở lại chỗ lỗ hổng nơi con đường băng qua. Cô nhìn thẳng về phía trước, không hề liếc về phía các tù nhân đang làm việc. Rồi thỉnh thoảng cô dừng lại, nhìn sững, kinh hãi.

Phía bên trong lỗ hổng có rất đông người đang làm việc. Tất cả nhân sự tù khổ sai của Fenfield đều ở đó, một đám đông không lồ đang ở gần lỗ hổng. Không một người bận đồ xám nào có mặt trên đồng hay trên các con đường. Mọi người đều ở bên trong và bức tường mọc lên rất nhanh. Lỗ hổng khép lại.

Jack ở đó. Cô thấy anh bên kia thành lũy đang mọc dần lên trong khi anh đang làm việc giữa đám đông. Nơi lỗ hổng đã cao lên khoảng bốn bộ rồi, một bức tường dựng lên trước

mất cô. Số người làm việc đông gấp năm lần hơn trước và những tảng đá được đưa lên như có phép lạ.

Maeve nhìn chồng, đưa tay lên giữa chừng rồi buông thõng xuống. Cô kêu lên cục cục ngớ ngẩn vô nghĩa trong khi chính anh đặt tảng đá cuối cùng vào chỗ. Hàng cuối cùng trải dài ra hết sức nhanh đến khi chỉ còn một khoảng trống nhỏ, chỉ một ô vuông vừa đủ lòng khuôn mặt anh trong chốc lát. Anh nhìn không nói gì, nhưng đôi mắt như bật lên một tiếng kêu thẳng thốt. Rồi tảng đá bịt kín khoảng trống cuối cùng và Maeve im sững, chết lặng trước bức tường khổng lồ khép kín muôn đời sự im vắng và bí ẩn bên trong.

Miêng chuyển ngữ

TÌM KHO BÁU CỦA QUÂN MÔNG CỔ Ở ĐÁY BIỂN VỊNH HẠ LONG

Hồ Đắc Duy

PHẦN MỘT : CÂU CHUYỆN BẮT ĐẦU CHO MỘT DỰ ÁN DÒ TÌM

Tôi hỏi :

-Sẽ có bao nhiêu phần trăm thành công trong công việc khám phá ra kho tàng quân lương, khí giới của quân Nguyên ở đáy vịnh Hạ Long ?

Người đàn ông trả lời :

-Có thể từ 10% đến 30%.

-Những gì có thể xảy ra nếu như người ta tìm thấy chúng ?

Có thể điều này sẽ chứng minh được sự đồng cảm của hiện tại về quá khứ, chứng minh được chiến thuật, chiến lược của kế hoạch xâm lược của Hốt Tất Liệt, Thoát Hoan, Ô Mã Nhi, Trương Văn Hổ và kế hoạch ứng phó của triều đại nhà Trần mà điển hình là vua Trần Nhân Tông, danh tướng Trần Hưng Đạo và Trần Khánh Dư.

Và điều này cũng xác định lại những biến cố đã ghi trong lịch sử Việt Nam lần Trung Quốc là có thực hay không ? Qua đó, lịch sử sẽ được chứng minh rõ ràng .

Ngoài ra là yếu tố để các nhà nghiên cứu sử có cơ hội nhìn các vấn đề thuộc về quá khứ một cách chính xác hơn.

-Ai sẽ có lợi trong sáng kiến của các ông ?

Đây là một chuyến du lịch dã ngoại trên vịnh Hạ Long của 10 thành viên trong một tháng mà mỗi ngày họ phải chi phí bằng số tiền mà họ phải trả cho một khách sạn trung bình ở Hà Nội. Dĩ nhiên, người được hưởng lợi nhất trong việc khám phá này là người Việt Nam, vì trong kho tàng văn hóa lịch sử, trong các viện bảo tàng sẽ có thêm một số cổ vật để trưng bày và trao đổi.

Và cũng có thể từ đó để giúp thêm cho nhiều nhà khoa học, nhà nghiên cứu có bằng chứng để làm phong phú hơn cho các công trình của họ.

-Còn các anh thì sao ?

Chúng tôi sẽ là những người hưởng lợi cao nhất về mặt tinh thần vì chúng tôi nghĩ và làm được những điều mình tiên đoán như một họa sĩ sau bao nhiêu trầm

tư suy nghĩ trau dồi kỹ năng để tạo ra một tác phẩm để lại cho đời, hay đôi khi chỉ để lại cho chỉ anh ta.

-Câu chuyện đó bắt đầu từ đâu ?

-Vâng, bắt đầu từ một trang trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (ĐVSKTT), một tác phẩm lịch sử vĩ đại của Việt Nam, bộ sử đó đang nằm ở trong thư viện Hội Á Châu ở Paris, trong các thư viện của các trường Đại Học ở nước ta và ngay ở một cửa hàng sách trung bình ở trong thành phố này.

ĐVSKTT tr.60 chép :

Ngày 30-12-1287, thái tử Nguyên A Thai cùng Ô Mã Nhi hợp 30 vạn quân đánh Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về đông. Người các hướng Ba Điểm, Bàng Hà đều đầu hàng chúng.

Khi ấy, thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thủy cho phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư. Khánh Dư đánh thất lợi, thượng hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh. Khánh Dư nói :

-"Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai, ba ngày để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Trung sứ theo lời xin đó.

Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, Khánh Dư đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều

Trong khi đó Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Chb. VIII,4 trang 532 chép :

"Khánh Dư đoán chắc thuyền của giặc đã đi qua rồi, thì thuyền tải lương tất đi theo sau, liền thu thập tàn quân, sẵn sàng chờ đợi. Một lát sau, quả nhiên thuyền tải lương của Văn Hồ đến, Khánh Dư đón đánh, quân Nguyên bị thua to. Khi đi đến biển Lục thủy, thuyền của quân Nguyên bị mắc cạn, sa lầy, không chở đi được, lương thực chìm cả xuống biển. Khánh Dư bắt được khí giới, quân nhu rất nhiều. Văn Hồ chỉ thoát được một mình, vội vàng chạy về Quỳnh Châu....."

Trong Nguyên Sử q 209 An Nam Truyện trang 9b- 10a chép : " Thuyền lương của Trương Văn Hồ tháng 12 năm ngoái đến Đồn Sơn gặp 30 chiếc thuyền của Giao Chỉ. Văn Hồ đánh , số giết được tương đương nhau. Đến biển LụcThủy thuyền giặc thêm nhiều , liệu không thể địch nổi mà thuyền lại nặng không thể đi được nên đổ thóc xuống biển rồi đi Quỳnh Châu "

Trong sách CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG XÂM LƯỢC NGUYÊN MÔNG THẾ KỶ XIII của Hà văn Tấn & Phạm thị Tâm, tr.267

Sau khi tách khỏi đoàn quân Thoát Hoan ở Lai Tân ngày 28-10 Âm lịch (4-12-1287), Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đi Khâm châu. Từ đây, đoàn thuyền của chúng

xuất phát, Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đem 1 vạn 8 nghìn quân, bọn Ô Vy, Trương Ngọc, Lưu Khuê đem vài vạn quân. Trương Văn Hổ đi với thuyền lương.....

.....Ô Mã Nhi sau khi qua được cửa An Bang, đã theo sông Bạch Đằng tiến về phía Vạn Kiếp. Hắn tưởng rằng quân ta không thể ngăn trở đoàn thuyền lương đi sau được nữa nên cứ tiến thẳng, không chú ý đến Trương Văn Hổ....

....Khánh Dư đã cùng cố lực lượng đón địch. Quả nhiên, mọi việc xảy ra đúng như dự đoán của người tướng mưu trí đó. Tháng 12 âm lịch (5-1 _ 2-2-1288), đoàn thuyền lương nặng nề của Trương Văn Hổ không có lực lượng chiến đấu mạnh mẽ yểm hộ, đã chậm chạp tiến vào Hạ Long, lọt vào trận địa của Nhân Huệ Vương. Thủy quân ta đã tập kích thuyền giặc ở Vân Đồn (Vân Hải). Trương Văn Hổ cố gắng tiến về phía đất liền nhưng đến biển Lục Thủy (cửa Lục, Hòn Gai) thì thuyền quân ta đổ ra đánh càn đông. Trương Văn Hổ đại bại, đổ cả thóc xuống biển, trốn chạy về Quỳnh Châu (Hải Nam). Thuyền lương của Phi Cung Thận thì tháng 11 âm lịch (6-12-1287) _ 4-1-1288) mới đến Huệ Châu (huyện Huệ Dương, Quảng Đông), gặp gió bão trôi giạt đến Quỳnh Châu. Thuyền lương của Từ Khánh thì trôi giạt đến tận Chiêm Thành rồi cũng về Quỳnh Châu.. Quân ta chiến thắng, "bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất đông".

Còn Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược trang 151 ông viết " Ô Mã Nhi đem thuyền đi đến ải Vân Đồn (Vân Hải , Quảng Yên) gặp quân của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chặn đường không cho đi , Ô Mã Nhi thúc quân đánh rất một trận , quân Khánh Dư thua bỏ chạy cả. Quân Nguyên kéo thẳng ra bể đi đón thuyền lương.... Được mấy hôm Ô Mã Nhi ra bể gặp thuyền lương của Trương Văn Hổ , lại đem quân trở vào đi trước dẹp đường, Trương Văn Hổ đem thuyền lương theo vào sau... Trương Văn Hổ tải các thuyền lương vào cửa bể Lục Thủy Dương(phía đông nam huyện Hoành Bồ tức là vịnh cửa Lục bây giờ) Khánh Dư đổ quân ra đánh , Văn Hổ địch không nổi , bao nhiêu thuyền lương bị quân Khánh Dư phá cướp mất cả , và bắt được khí giới rất nhiều ... "

Trong Việt Sử Tân Biên của Phạm Văn Sơn , Nhà Xuất bản Văn Hưu Á Châu SG 1958 quyển II, trang 216 lại viết " Trương Văn Hổ cho thuyền lương từ từ tiến vào cửa Lục (Lục thủy dương là cửa biển gần Hòn Gai , tỉnh Quảng Yên) Tại đây thuyền lương mắc cạn . Quân ta phục sẵn ủa ra đánh ,thuyền của địch bị đắm gần hết ... "

Trong một cuốn sách thường được bán trong khi đi du lịch Hạ Long - Cát Bà ◆Quảng Ninh là "Hạ Long Đá và Nước◆ của Nguyễn Ngọc , Nhà xuất bản Thế Giới ◆Hà Nội 1999 trang 66 viết " Đoàn thuyền lương Trương Văn Hổ ... qua khỏi đảo Ba Mùn vì sóng gió lớn chúngbuột phải chọn con đường vào cửa Đồi , rồi men theo luồng nước hẹp gọi là sông Mang và sông Cái giữa hai đảo Cái Bàn và Vân Hảirồi tung bước dự chúng vào vịnh cửa Lục ... Khánh Dư một mặt thắt chặt miệng túi của Lục lại , một mặt cho quân từ sông Bạch Đằng bốn mặt đổ ra tập kích..."

Có thể tóm tắt theo ĐVSKTT

Thủy quân Nguyên đánh vào Vân Đồn, Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, Khánh Dư đánh bại chúng,

Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục

Khi đi đến biển Lục thủy, thuyền của quân Nguyên bị mắc cạn, sa lầy, không chở đi được, lương thực chìm cả xuống biển. Khánh Dư bắt được khí giới, quân nhu rất nhiều.

Hà văn Tấn & Phạm thị Tâm, tr.267

thuyền lương chậm chạp tiến vào Hạ long,. Thủy quân ta đã tập kích thuyền giặc ở Vân đồn (Vân hải). Trương Văn Hổ cố gắng tiến về phía đất liền nhưng đến biển Lục thủy (cửa Lục, Hòn gai) thì thuyền quân ta đổ ra đánh càn đông.

Trần Trọng Kim, trong Việt Nam Sử Lược trang 151

Ô Mã Nhi đem thuyền đi đến ải Vân Đồn (Vân Hải , Quảng Yên) gặp quân của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư chặn đường không cho đi , Ô Mã Nhi thúc quân đánh rất một trận , quân Khánh Dư thua bỏ chạy cả. Quân Nguyên kéo thẳng ra bể đi đón thuyền lương.... Trương Văn Hổ tải các thuyền lương vào cửa bể Lục Thủy Dương(phía đông nam huyện Hoành Bồ tức là vịnh cửa Lục bây giờ) Khánh Dư đổ quân ra đánh ,

Việt Sử Tân Biên thuyền lương từ từ tiến vào cửa Lục (Lục thủy dương là cửa biển gần Hòn Gai , tỉnh Quảng Yên) Tại đây thuyền lương mắc cạn . Quân ta phục sẵn ủa ra đánh

"Hạ Long Đá và Nước" qua khỏi đảo Ba Mùn vào cửa Đồi qua giữa hai đảo Cái Bàn và Vân Hải vào vịnh cửa Lục ... thắt chặt miệng túi của Lục lại , quân ta từ sông Bạch Đằng bốn mặt đổ ra tập kích..."

Vậy đâu là hải trình thật của thuyền lương do Giao chỉ Hải Thuyền Vạn Hộ Trương Văn Hổ chỉ huy và tọa độ của trận đánh tiêu diệt chúng của danh tướng Trần Khánh Dư ? Giải được câu hỏi này đồng nghĩa với chúng ta sẽ tìm ra....!!

Trước hết cần phải xác định một số địa danh củ và đánh dấu nó trên bản đồ hiện tại

Theo thứ tự các sách đã dẫn thì gồm có Vân Đồn , biển Lục Thủy, Vân Đồn (Vân hải)Cửa Lục ♦Hòn Gai , đến ải Vân Đồn (Vân Hải , Quảng Yên) cửa bể Lục Thủy Dương(phía đông nam huyện Hoành Bồ tức là vịnh cửa Lục bây giờ) đảo Ba Mùn , cửa Đồi , đảo Cái Bàn và Vân Hải , Bạch Đằng . Thật sự ra chúng ta chỉ tìm hiểu một số địa danh là Vân Đồn , cửa Lục , biển Lục thủy ,đảo Ba mùn , cửa Đồi , Cái Bàn , Vân Hải và Bạch Đằng , mũi Ngọc là có thể hình dung khu vực của trận hải chiến này

Biển Lục Thủy theo Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Chb. VIII,4 trang 533 Biển Lục Thủy ở phía đông nam huyện Hoành Bồ cách huyện 17 dặm (hiện tại là vùng phía tây nam Đảo Cát Bà (Phù Long) và thị trấn Cát Hải)

Gọi là Lục Thủy vì nước biển có màu xanh lục (màu vert) giống như có biển gọi là Biển Đen , Hồng Hải... Màu sắc đặc biệt nước biển trong vịnh Hạ Long, Vịnh Bái Tử Long , vịnh Vân Đồn , Lan Hạ , Cát Bà đều có màu xanh lục vì do kết cấu

của các đảo đá vôi và phiến thạch hình thành cho nên người Trung Hoa gọi vùng biển này là Lục Thủy Dương

Vân Đồn : Tháng năm Kỷ Tỵ (1149) dưới thời vua Lý Anh Tông cho lập phố xá ở Vân Đồn, bấy giờ các nước Qua Oa (Java) Tiêm La (Thái Lan) có nhiều thuyền buôn đóng ở Hải Đông (Hoành Bồ Cẩm Phả). nên vua cho lập khu riêng biệt trên cù lao để cho họ ở , gọi là Vân Đồn trang

Vân Đồn thuộc Hải đông

Ở Vân Đồn cũng ghi dấu những sự kiện lịch sử như năm 1413 Đặng Dung ra Vân Đồn để chiêu mộ người và lương thực đánh quân Minh , năm 1418 quân Minh cho lập sở để coi giữ việc mò tìm ngọc trai , năm 1469 Vua Lê Thánh Tông cho định lại bản đồ thì gọi là châu Vân Đồn , năm 1743 Thời Trịnh Doanh ,Nguyễn Hữu Cầu lập căn cứ tại Vân Đồn đánh nhau với chúa Trịnh , ... đến thời Tự Đức gọi là tổng Vân Hải huyện Nghiêu phong , Tỉnh Quảng Yên nay là huyện đảo Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh

Thương cảng cổ Vân Đồn có thể được tập trung ở đảo Cái Bàn và Quan Lạn , dân trên đảo đa số là người Việt Nam , thương nhân Trung quốc và và một số người gốc Thái Lan , Nam dương , Mã lai..

Hiện tại quần đảo Vân Đồn nằm cách Hạ Long 50Km về phía đông nam , gồm có trên 600 đảo lớn nhỏ , ở đây có những hòn đảo lớn như đảo Ba Mùn , đảo Cái Bàn (Trà Bàn) , đảo Phượng Hoàng , Ngọc Vũng , đảo Vạn Cảnh , đảo Quan Lạn (Cảnh Cước) đảo Cao Lô , Cô Tô.... nhỏ như đảo Thượng Mai , Hạ mai , Nắc Đất , đảo Vân Đồn ,

Cửa Lục hiện nay là cửa khẩu ra vào vịnh Cửa Lục nằm giữa Bãi Cháy và núi Bài Thơ , vịnh này có 6 nhánh sông đổ vào , và các con sông này không có nhánh nào ăn thông với sông Bạch Đằng

Mũi Ngọc mũi đất ở địa đầu Trà cổ ♦ Mông Cái

Vịnh Hạ Long : Nằm ở đông bắc Việt Nam , là một phần của vịnh Bắc Bộ , bao gồm vùng biển của thành phố Hải Phòng , thị xã Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân đồn , phía tây nam giáp đảo Cát Bà , bờ biển dài 120 Km , được giới hạn từ 106 độ 58 phút đến 107 độ 22 phút kinh đông và 20 độ 45 phút đến 20 độ 50 phút vĩ bắc , tổng diện tích 1553 Km vuông , gồm 1969 hòn đảo

Đảo của Vịnh Hạ Long có hai dạng là đảo đá vôi và đảo phiến thạch , tập trung ở hai vùng chính là vùng phía đông nam thuộc vịnh Bái Tử Long và vùng phía tây nam thuộc vịnh Hạ Long có tuổi kiến tạo địa chất từ 250 triệu đến 280 triệu năm

Toàn thể vùng đảo đều mang đặc tính của một miền núi đá vôi cổ (tuổi cabon-Pecmi) nguyên phát tiến triển trên đất liền , rồi sau bị nước biển dâng lên làm chìm ngập , người ta có thể nhận thấy điều đó rất rõ qua các bồn nước bao bọc chung quanh là các vách núi đá vôi, các hang động rất phát triển nằm ở độ cao , các hang luồng ,sau vài trăm triệu năm mực nước biển rút xuống làm nhô lên các đảo hiện nay , phần khác bờ biển ở đó cũng hạ thấp và chìm ngập trong thời gian địa chất gần đây

Đáy của các vụng và eo biển không nơi nào sâu quá 20 m , chủ yếu là cát và đất sét , kể cả bùn và xác thực vật (Thiên Nhiên VN ♦ Lê Bá Thảo NXB Khoa Học Kỹ Thuật)

Quỳnh Châu, một trong bốn châu của đảo Hải Nam ♦Trung Quốc

KẾ HOẠCH TẤN CÔNG ĐẠI VIỆT CỦA HỐT TẮT LIỆT

Ngày 13 tháng 2 năm 1287 Hốt Tất Liệt cho thành lập " Chinh Giao Chỉ Hành Thượng Thư Tỉnh " đó là bộ chỉ huy tối cao điều khiển việc xâm lược Đại Việt , bổ nhiệm tướng tá ,sắp đặc quân số , chuẩn bị lương thực khí giới và giao cho con trai là Thái Tử Thoát Hoan làm tổng chỉ huy , kế hoạch tấn công vào Đại Việt chia làm ba hướng

Hướng tứ Vân Nam ♦Lào Cai ♦ Yên Bái- Việt Trì do A Ruc chỉ huy

Hướng Tư Minh-Lộc Bình Lạng Sơn ♦ Vạn Kiếp do chính Thoát Hoan ♦ Trịnh Bằng Phi chỉ huy

Hướng Khâm châu ♦ Mông Cái - Mũi Ngọc ♦ Biển Lục Thủy ♦ Bạch Đằng ♦ Vạn Kiếp do Ô Mã Nhi , Phàn Tiếp chỉ huy với 620 thuyền tham chiến .

Trương Văn Hồ , Phi Cùng Thìn, Đào Đại Minh phụ trách 70 thuyền vận tải lương đi theo Ô Mã Nhi

Sau 8 tháng chuẩn bị , ngày 11 .10.1287 quân Mông cổ xuất phát từ Hồ Bắc

Ngày 18.12.1287 Thoát Hoan đến Tư Minh

Ngày 25.12.1287 vượt biên giới đánh vào nước ta

Ngày 29 .12.1287 đến Lạng Sơn

Ngày 2.1.1288 thì Thoát Hoan đã có mặt tại Vạn Kiếp nghĩa là chỉ có 8 ngày sau khi vượt biên giới là quân thù đã tới gần sát Thăng Long,

Ô Mã Nhi khởi hành từ Khâm châu vào ngày 17 .12.1287 và ngày 2.1.1288 đã có mặt tại Vạn Kiếp để hội quân với Thoát Hoan , Ô Mã Nhi đi mất gần nửa tháng mới đến được Vạn Kiếp .

NHIỆM VỤ CỦA TRƯƠNG VĂN HỒ

Nhiệm vụ của Trương Văn Hồ là tải lương chính cho đoàn quân viễn chinh Mông cổ , để phòng bị bất trắc Thoát Hoan lại cho dự trữ thêm một kho lương thực khí giới quân nhu ở Tư Minh dưới quyền điều động của Vạn Hộ Hạ Chỉ và Trương Ngọc

Ở đây vài câu hỏi được đặt ra

Thời gian nào Trương Văn Hồ rời Khâm Châu ?

Trương Văn Hồ phải chuyển lương thực đến Vạn Kiếp chậm nhất là ngày nào

Vai trò của Ô Mã Nhi , Phàn Tiếp trong việc hộ tống thuyền lương ra sao ?

Số thuyền chở lương và hộc lương của quân Mông cổ là bao nhiêu ?

Việc thông tin liên lạc giữa bộ chỉ huy của Thoát Hoan ở Vạn Kiếp đến Tư Minh và Khâm châu nhanh nhất là mấy ngày ?

Hải trình lý tưởng từ Khâm Châu đến Vạn Kiếp sẽ di chuyển qua những đâu ?

Dự báo thời tiết ở biển đông mùa đó ra sao ?

Ai là người cố vấn cho Ô Mã Nhi và Trương Văn Hổ vạch ra hải trình này

Tại sao Trần Khánh Dư lại có thể dự đoán khi nói với trung sứ của vua Trần Nhân Tông là -"Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai, ba ngày để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Tại sao chỉ hai ba ngày thôi ? có phải là Trần Khánh Dư biết chắc là mình sẽ hạ độc thủ kẻ thù ở vị trí tọa độ nào rồi chăng ?

Vị trí đó nằm ở đâu ? có phải là ở Cửa Lục như các nhà sử học về sau này nói đến hay là ở một chỗ khác trên Lục Thủy Dương

Hồ Đắc Duy
(Xin đón đọc kỳ sau)

TÌM KHO BÁU CỦA QUÂN MÔNG CỔ Ở ĐÁY BIỂN VỊNH HẠ LONG

Hồ Đắc Duy

PHẦN HAI : HẢI TRÌNH CỦA Ô MÃ NHI

Thời gian nào Trương Văn Hồ rời Khâm Châu ?

và phải chuyển lương thực đến Vạn Kiếp chậm nhất là ngày nào?

Trong nhiều tư liệu tham khảo không thấy có ghi ngày nào Trương Văn Hồ rời Khâm Châu và trận Trần Khánh Dư xảy ra ngày nào , nhưng nếu căn cứ vào thời gian khởi hành của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp thì trong các tài liệu như ĐVSKTT , KĐVSTGCM , Nguyên Sử đều có chép sự kiện **Thoát Hoan hội quân ở Vạn Kiếp** Nguyên Sử q14 Bản kỷ trang 11b chép " Ngày Giáp dần 28 tháng 11 (2/1/1288) Trần Nam Vương đến Vạn Kiếp , tất cả các quân đều đến hội " trong Nguyên Sử q 166 , Phàn Tiếp Truyện cũng có chép là Phàn Tiếp lên hội quân với Thoát Hoan ở Vạn Kiếp

ĐVSKTT tr.60 chép :

.....thái tử Nguyên A Thai (Thoát Hoan) cùng Ô Mã Nhi hợp 30 vạn quân đánh Vạn Kiếp rồi thuận dòng xuôi về đông. Người các hướng Ba Điểm, Bàng Hà đều đầu hàng chúng.

Trong An Nam chí lược q 4 chép " Tháng 11 ngày mậu tuất (17/12/1287) chu sư tiến trước qua cửa Vạn Ninh..." ở đây chỉ là Thủy quân (chu sư) của cánh Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp từ Khâm châu tiến vào Vạn Ninh (Mũi Ngọc - Mông Cái) Nguyên Sử q 4 trang 11b chép ngày 20/12/1287 Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp mới vào Giao Chỉ

Tóm tắt thời gian chuyển quân của cánh đường thủy của Ô Mã Nhi từ Khâm châu như sau :

Ngày **17 /12/1287** Khởi hành từ Khâm châu

Ngày **20 /12/1287** vào hải phận Đại Việt có thể từ vùng quần đảo Vân Đồn cho đến vùng đảo Cát Bà

Ngày **2/1/1288** Hội quân ở Vạn Kiếp

Trong vòng 12 ngày Ô Mã Nhi sẽ vượt qua cửa Nam Triệu hoặc đi qua eo biển nằm giữa Thị trấn Cát Hải và Phú Long ➡ Cát Bà hiện nay đổ vào sông Bạch Đằng rồi từ đó tiến về Vạn Kiếp ➡ Thăng Long

Cuộc chiến trên sông Bạch đằng trong lần xâm lược thứ ba nay có thể phân tích ra làm 3 giai đoạn

Hai giai đoạn đầu khi Ô Mã Nhi đi vào Hội quân ở Vạn Kiếp và khi Thoát Hoan sai Ô Mã Nhi ra rước thuyền lương của Trương Văn Hổ thì quân Mông Cổ làm chủ tình thế trên sông, quân Đại Việt chỉ có tập kích lẻ tẻ, Trần Hưng Đạo chỉ tung hết lực lượng phản công khi Thoát Hoan cho rút lui và trận quyết chiến xảy ra vào ngày 9 / 4/ 1288 với sự hiện diện của vua Trần Nhân Tông, Thượng hoàng, Nguyễn Khoái và Trần Hưng Đạo. Quân Đại Việt đã đánh tan tác quân Mông Cổ, Ô Mã Nhi bị bắt sống, Trương Ngọc tử trận, Phàn Tiếp bị thương.

Lúc Hội quân ở Vạn Kiếp là lúc mà Thoát Hoan rất cần được nghe báo cáo về các dữ liệu quân số, lương thực, tình hình nước Đại Việt, các điểm nóng để quyết định cho việc tổng tấn công tiêu diệt quân nhà Trần, chính lúc này là lúc mà Trương Văn Hổ phải có mặt, hoặc ít nhất là Ô Mã Nhi phải thông báo cho Thoát Hoan biết về tin tức tình hình các thuyền, lúc này bộ chỉ huy của Mông Cổ ở Vạn Kiếp đã hoàn toàn mất liên lạc mà đang lẽ ra thì Trương Văn Hổ phải có mặt trước khi hội quân vài ngày, chính vì thế mà Thoát Hoan ra lệnh cho Ô Mã Nhi trở ra biển tìm Trương Văn Hổ. KDVSTGCM trang 534 chép "Ô Mã Nhi đợi mãi không thấy thuyền tải lương của Văn Hổ đến, bèn đánh phá trại An Hưng, rồi lại đem quân về Vạn Kiếp, chia ra đóng giữ các núi Chí Linh và Phả Lại để làm kế cố thủ" mặt khác Thoát Hoan điều động kho dự trữ lương thực ít ỏi ở Tư Minh khi cho nhóm quân Nguyên cùng các nhân vật phản quốc như Lê Trắc, Lê Án và con trai Trần Ích Tắc theo hướng Tư Minh tiến vào Lạng Sơn, ngày 1/2/1288 bị quân ta chặn đánh tan tác phải chạy trở về Tàu.

Quân lương không được tiếp tế, quân Mông Cổ rơi vào thế khốn quẫn....

Từ thời gian và hải trình của Ô Mã Nhi có thể hình dung con đường Trương Văn Hổ sẽ đi qua

Nếu tính sát với các thời điểm đã ghi trong sử liệu của Việt Nam và Trung Quốc thì có thể tính toán để suy ra gần đúng ngày khởi hành và thời điểm của trận hải chiến này

Ngày 17 /12/1287 Khởi hành từ Khâm châu

Ngày 20 /12/1287 vào hải phận Đại Việt có thể từ vùng quần đảo Vân Đồn cho đến vùng đảo Cát Bà

Khi đi qua Mũi Ngọc bị Nhân Đức Hầu Toàn đem thủy quân chặn đánh

Khi đến Vân Đồn bị Khánh Dư chặn đánh lần thứ hai nhưng Khánh Dư đánh thất lợi, thượng hoàng được tin, sai trung sứ xiềng Khánh Dư giải về kinh.

Thông tin thất trận này muốn đến được tai vua Trần Nhân Tông đang ở Thăng Long thì người mang tin phải đi từ Quần đảo Vân Đồn đến Cửa Sông Bạch Đằng, rồi từ Bạch Đằng chạy ngựa đến Thăng Long thời gian này nhanh nhất cũng mất 3 ngày, quyết định của vua Trần Nhân Tông sai Trung sứ đến bắt Khánh Dư đang ở tại Vân Đồn cũng mất ít nhất là 4 đến 5 ngày vì Trung sứ không thể đi hỏa tốc như người chạy trạm

Khánh Dư nói :

- "Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin **khất hai, ba ngày** để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Trung sứ theo lời xin đó.

Khánh Dư liệu biết quân giặc đã qua, thuyền vận tải tất theo sau, nên thu thập tàn binh đợi chúng. Chẳng bao lâu thuyền vận tải quả nhiên đến, Khánh Dư đánh bại chúng, bắt được quân lương khí giới của giặc nhiều không kể xiết, tù binh cũng rất nhiều

Như vậy tổng cộng thời gian là : trên dưới 10 ngày kể từ khi Khánh Dư bị Ô Mã Nhi đánh bại cho đến lúc Khánh Dư đánh chìm toàn bộ thuyền lương của Trương Văn Hổ , ta có thể suy ra là **Trương Văn Hổ rời khỏi Khâm Châu vào ngày 27 tháng 12 năm 1287** bghĩa là sau Ô Mã Nhi một tuần lễ và **trận hải chiến này có thể xảy ra trong khoảng ngày 30 tháng 12 năm 1287 cho đến 2 tháng 1 năm 1288**tức là khoảng 3 đến 4 ngày sau

Ai là người cố vấn cho Ô Mã Nhi và Trương Văn Hổ vạch ra hải trình này

Từ thời Lý Anh Tông(1149) đã cho lập phố xá ở Vân Đồn, bấy giờ thuyền của nhiều nước hay đến buôn bán với nước ta DVSKTT chép : "Trước đây, Khánh Dư trấn giữ Vân Đồn, tục ở đó lấy buôn bán làm nghề nghiệp sinh nhai, ăn uống may mặc đều dựa vào khách buôn phương Bắc, cho nên quần áo, đồ dùng theo tục người Bắc. Khánh Dư duyệt quân các trang , ra lệnh : -"Quân trấn giữ Vân Đồn là để ngăn phòng giặc Hồ, không thể đội nón của phương Bắc, sợ khi vội vàng khó lòng phân biệt, nên đội nón Ma lô, ai trái tất phải phạt".

Có thể hình dung được cư dân ở trên các đảo Cát Bà , Cái Bàn , Cái Bầu Quan Lạn , Cô Tô và các đảo nằm trong Vịnh Bắc Bộ đặc biệt vùng vịnh Hạ Long , Bái tử Long , Vân Đồn phần đông là những người buôn bán hay làm nghề đánh cá vì vùng biển ở đây nhiều hải sản , ngọc trai , trung bình có độ sâu 20 m có nơi rất cạn chỉ vài mét như khoảng cách từ Cái Bàn đến Quan Lạn , những người Trung Quốc sinh sống ở vùng này là người biết rõ về địa hình địa vật , con nước thủy triều lên xuống và con đường nào an toàn nhất , ngắn nhất , vị trí nào để ẩn nấp khi gặp gió bão có thể chính là những người đã giúp cho Ô Mã Nhi và Trương văn Hổ vạch ra hải trình này , đó là con đường đi men theo hải trình mà các thương thuyền hay qua lại ,**con đường đó đi từ Khâm châu ngang qua Mũi Ngọc , ngang qua đảo Vĩnh Thực , ngang giữa quần đảo Cô Tô và quần đảo Vân Đồn (gồm có đảo Ba Mùn (Đảo Cao Lô) Cửa Đồi , đảo Quan Lạn) rồi đi ngang qua đảo Thượng Mai , đi sát đảo Hạ Mai đánh một vòng cung qua đảo Long Châu rồi tiến vào Bạch Đằng qua cửa Nam Triệu**

Nếu lộ trình này từ Vân Đồn đi vào vịnh Hạ Long rồi đi qua cửa Lục và trận chiến xảy ra ở đây như nhiều nhà sử học sau này mô tả thì rất là khó hiểu vì trong vịnh cửa Lục không có con sông nào đổ ra sông Bạch Đằng (Xem bản đồ số 2) và lại muốn vào cửa Lục thì phải đi qua mấy trăm hòn đảo nhỏ vô cùng nguy hiểm và rất dễ bị tập kích , trong khi đó**mục đích của Trương văn Hổ là vào Bạch Đằng để đi Vạn Kiếp** , cho nên nói trận hải chiến xảy ra trên biển Lục Thủy hay ở tại Vân Đồn là chính xác

Tương quan lực lượng của Mông Cổ và Đại Việt

Hưng Đạo Vương giao hết công việc biên thủy cho phó tướng Vân Đồn là Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư, Khánh Dư là người thông thạo vùng biển vịnh Bắc Bộ, trong hai cuộc chống quân Mông Cổ trước có lẽ Trần Hưng Đạo và Khánh Dư biết chắc rằng một trong những mũi tấn công của kẻ thù phương bắc nếu có sẽ là hướng từ Khâm Châu ❖ Mông Cái ❖ Bạch Đằng vì thế việc điều nghiên địa hình, những nét đặc thù của các quần đảo như Cô Tô, Vân Đồn, Cái Bầu, Cát Bà và những vùng đất địa đầu như Mỗì Ngọc, Trà Cổ, Vĩnh Thực, Chàng Tây, Long Châu là không thể thiếu được vì đó là vành đai vòng cung bảo vệ cho phần đất bên trong, ở trên đỉnh của các đảo đó những tổ tiên tiêu có thể quan sát hết các hoạt động di chuyển của hải quân Mông Cổ rất dễ dàng

Cuộc chạm trán đầu tiên và thất bại của Trần Khánh Dư đối với đội hải quân hùng hậu với 650 chiến thuyền của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp đã giúp cho Trần Khánh Dư kinh nghiệm và hiểu rõ hơn con đường mà Trương Văn Hổ sẽ phải đi qua, cuộc chiến thắng dễ dàng của Ô Mã Nhi lại là một cái bẫy giăng ra cho Trương Văn Hổ sa vào ổ phục kích của Khánh Dư vì khinh thường và thiếu đề cao cảnh giác đối với quân Đại Việt, sự thất bại của Khánh Dư có thể là do sự yếu kém của quân Đại Việt trước lực lượng hùng hậu của Mông Cổ mà cũng có thể là ý đồ của danh tướng họ Trần? nhưng dù sao thì sự thất bại này là hoàn toàn có lợi trong việc tiêu diệt 70 thuyền lương của Trương Văn Hổ sau này

Trần Khánh Dư chỉ cần 100 chiến thuyền là có thể tiêu diệt nhanh gọn 70 chiếc thuyền lương nặng nề chậm chạp của Trương Văn Hổ, nhưng với 100 chiếc đó nếu giao chiến thì sẽ bị 650 chiến thuyền của Ô Mã Nhi đè bẹp nuốt lớn ngay tức khắc.

Trong bài tiếp chúng ta sẽ phân tích các vấn đề sau :

Dự báo thời tiết ở biển Đông mùa đó ra sao ?

Tại sao Trần Khánh Dư lại có thể dự đoán khi nói với trung sứ của vua Trần Nhân Tông là -"Lấy quân pháp mà xử, tôi cam chịu tội, nhưng xin khát hai, ba ngày để mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn".

Tại sao chỉ hai ba ngày thôi? có phải là Trần Khánh Dư biết chắc là mình sẽ hạ độc thủ kẻ thù ở vị trí tọa độ nào rồi chăng?

Vị trí đó nằm ở đâu? có phải là ở Cửa Lục như các nhà sử học về sau này nói đến hay là ở một chỗ khác trên Lục Thủy Dương

Hồ Đắc Duy
(Xin đón đọc kỳ sau)